

Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được thế nào là sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất đối với đời sống xã hội.
- Nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Gv cho học sinh xem một số hình ảnh về vai trò của sự phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- GV hỏi HS : Theo em vì sao trong những năm gần đây đất nước ta phát triển trên các lĩnh vực như vậy.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức: Kinh tế phát triển và đó chính là cơ sở, tiền đề thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp đàm thoại để tìm hiểu khái niệm sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất.

a) Mục tiêu:

- HS nắm được khái niệm của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất.
- Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- HS nghiên cứu SGK phần 1
- GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS trả lời
- Em hiểu thế nào là của cải vật chất? Cho ví dụ về những của cải vật chất trong thực tế mà em thường gặp.
- Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Cho ví dụ ?
- Trả lời.
- VD: Lúa, gạo, quần áo, xe cộ, giày dép...
- Trả lời.
- VD: Con người sử dụng công cụ lao động tác động vào đất trồng để làm ra thực phẩm, lúa gạo. Hay, con người khai thác đất sét để nung thành gạch, gốm phục vụ cho nhu cầu xây dựng, trang trí...
- Theo em, sản xuất của cải vật chất có những vai trò gì?
- Tại sao nói : Sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội?
- Vì để duy trì sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội loài người.
- Sản xuất của cải vật chất không chỉ để duy trì sự tồn tại của con người và xã hội loài người, mà thông qua lao động sản xuất, con người được cải tạo, phát triển và hoàn thiện cả về thể chất và tinh thần.
- Sản xuất của cải vật chất có phải là hoạt động trung tâm của xã hội loài người hay không? Vì sao như vậy?
- Là trung tâm, là tiền đề thúc đẩy các hoạt động khác của xã hội phát triển.

1. Sản xuất của cải vật chất**a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất?**

Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất

- Là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

- Quyết định mọi hoạt động của xã hội.

=> Là cơ sở để xem xét và giải quyết các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá trong xã hội.

- Ví dụ: Lấy nguồn vốn thu được từ hoạt động sản xuất vật chất đầu tư vào hoạt động văn hoá, giáo dục, nghiên cứu khoa học – công nghệ, làm cho các lĩnh vực này phát triển theo, dẫn đến đời sống vật chất, tinh thần của xã hội được cải thiện, nâng cao.

- Lịch sử xã hội loài người là một quá trình phát triển và hoàn thiện liên tục của các phương thức sản xuất của cải vật chất, là quá trình thay thế các phương thức sản xuất cũ lạc hậu bằng phương thức sản xuất tiến bộ hơn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa

Hoạt động 2: GV sử dụng phương pháp đàm thoại tìm hiểu các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

a) Mục tiêu:

- HS nắm được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.
- Hình thành kỹ năng phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV sử dụng sơ đồ dạy học về các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.</p> <p>GV chia HS làm 2 nhóm rồi cho các em thảo luận theo các câu hỏi sau:</p>	<p>1. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất</p> <p>a. Sức lao động</p> <p>- Khái niệm: Là toàn bộ những năng lực thể</p>

<p>- Để thực hiện quá trình lao động sản xuất, cần phải có những yếu tố cơ bản nào?</p>	<p>chất và tinh thần của con người được vận</p>
<p>- Cần sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.</p> <p>- Sức lao động là gì?</p> <p>- Hãy phân biệt sức lao động với lao động?</p> <p>- Nhận xét, chốt lại.</p> <p>- Lao động là khái niệm có nội hàm rộng hơn. Sức lao động mới chỉ là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực. Để thực hiện được quá trình lao động thì không chỉ cần có sức lao động mà còn phải có tư liệu sản xuất. Hay nói cách khác, chỉ khi nào sức lao động kết hợp được với tư liệu sản xuất thì mới có lao động. Người có sức lao động muốn thực hiện quá trình lao động thì phải tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm. Mặt khác, nền sản xuất xã hội phải phát triển, tạo ra nhiều việc làm để thu hút sức lao động.</p> <p>- Lao động là hoạt động bản chất nhất của con người, phân biệt con người với loài vật. Ý thức của con người trong lao động thể hiện: lao động có mục đích, có kế hoạch, tự giác sáng tạo ra phương pháp và công cụ lao động, có kỷ luật và cộng đồng trách nhiệm...</p> <p>- Đối tượng lao động là gì ? Có mấy loại ? Cho ví dụ minh họa.</p> <p>- Ví dụ: đất trồng, gỗ rừng, quặng kim loại, tôm cá dưới sông, dưới biển...</p> <p>- Ví dụ: sợi để dệt vải, sắt thép để chế tạo máy, xi măng để xây dựng gọi là nguyên liệu.</p>	<p>dụng vào quá trình sản xuất.</p> <p>- Phân biệt sức lao động với lao động:</p> <p>+ Sức lao động: là khả năng của lao động.</p> <p>+ Lao động:</p> <p>. Là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực.</p> <p>. Là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của mình.</p> <p>b. Đối tượng lao động</p> <p>- Khái niệm: Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.</p> <p>- Phân loại (có 2 loại đối tượng lao động):</p>

<p>- Mọi đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên nhưng có phải mọi yếu tố tự nhiên đều là đối tượng lao động không ? Vì sao ?</p> <p>- Không phải mọi yếu tố của tự nhiên đều là đối tượng lao động. Bởi vì chỉ những yếu tố tự nhiên nào mà con người đang tác động trong quá trình sản xuất nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của mình thì mới gọi là đối tượng lao động. Những yếu tố tự nhiên mà con người chưa biết đến, chưa khám phá, chưa tác động thì chưa trở thành đối tượng lao động.</p> <p>- Tư liệu lao động là gì ?</p> <p>- Tư liệu lao động được chia thành mấy loại? Nêu nội dung cụ thể?</p> <p>- Công cụ lao động cũng là yếu tố cách mạng nhất, biến động nhất và là một trong những căn cứ cơ bản để phân biệt các thời đại kinh tế. C.Mác viết: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải là ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào”. “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”.</p> <p>- Ví dụ về các công cụ lao động: cày, cuốc, máy gặt đập liên hợp, máy bơm nước...</p> <p>- Ví dụ về hệ thống bình chứa của sản xuất: ống, thùng, hộp, két, vại, giỏ...</p>	<p>+ Loại có sẵn trong tự nhiên.</p> <p>+ Loại đã trải qua tác động của lao động, được cải biến ít nhiều.</p> <p>c. Tư liệu lao động</p> <p>- Khái niệm: Là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thoả mãn nhu cầu của con người.</p> <p>- Phân loại (ba loại):</p> <p>+ Công cụ lao động (hay công cụ sản xuất), là yếu tố quan trọng nhất.</p> <p>+ Hệ thống bình chứa của sản xuất.</p> <p>+ Kết cấu hạ tầng của sản xuất.</p>
<p>- Ví dụ về kết cấu hạ tầng của sản xuất: đường giao thông, bến cảng, sân bay, nhà ga, phương tiện giao thông vận tải, điện, nước, thủy lợi, bưu điện, thông tin liên lạc...</p> <p>- Theo em, ranh giới phân chia giữa đối tượng lao động</p>	<p>=> Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất</p>

và tư liệu lao động là có tích tương đối hay tuyệt đối (rạch ròi)?

- Có tính tương đối vì một vật trong mỗi quan hệ này là đối tượng lao động, nhưng trong mỗi quan hệ khác lại là tư liệu lao động. Ví dụ: Ngày xưa, con trâu là tư liệu lao động của người nông dân, nhưng lại là đối tượng lao động của lò giết mổ.

- Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố nào quan trọng và quyết định nhất? Vì sao?

- Sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất vì giữ vai trò chủ thể, sáng tạo, là nguồn lực không cạn kiệt; xét cho cùng, trình độ phát triển của tư liệu sản xuất chính là sự biểu hiện sức sáng tạo của con người.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt lại.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm, vai trò của sản xuất của cải vật chất; các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.
- Rèn luyện năng lực tư duy phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung:

- GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 2,3 SGK trang 11.
- GV đưa ra tình huống cho học sinh giải quyết để thấy rõ được chỉ có con người mới lao động còn hoạt động của con vật là hoạt động bản năng của loài.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

.GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ:

- GV nêu câu hỏi: Tại sao nước Nhật nguồn tài nguyên thiên nhiên khan hiếm, điều kiện tự nhiên không thuận lợi nhưng tại sao nước Nhật là nước có nền kinh tế phát triển mạnh, đi đầu về lĩnh vực khoa học công nghệ.

- HSTL

- GVKL: Vì họ biết đầu tư, khai thác nguồn lực con người, phát huy vai trò của yếu tố sức lao động (thể lực và trí lực), nguồn lực giữ vai trò chủ thể. Trong đó, trí lực của con người, nếu càng được thường xuyên sử dụng thì nó càng được nâng cao, phát triển, trau dồi nhiều hơn.

b. Nhận diện xung quanh:

Bằng kiến thức đã học và kiến thức thực tiễn, em có nhận xét gì về tình hình phát triển kinh tế ở địa phương em?

c. GV định hướng HS:

- HS làm bài tập 1, SGK trang 11.

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....

.....

Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được thế nào là phát triển KT và ý nghĩa của phát triển KT đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV dẫn câu nói của C.Mác: “Kinh tế là nhân tố quyết định cuối cùng của mọi sự biến đổi của lịch sử”.
- GV: Em hiểu như thế nào về câu nói trên của C.Mác.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức: Kinh tế phát triển và đó chính là cơ sở, tiền đề thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp vấn đáp, trực quan để tìm hiểu khái niệm phát triển kinh tế.

a) Mục tiêu:

- HS nắm được khái niệm phát triển kinh tế là gì, nội dung của phát triển kinh tế
- Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - HS nghiên cứu SGK phần 3 - GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS trả lời	3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển

<ul style="list-style-type: none"> - Theo em thế nào là phát triển kinh tế? - HSTL: - GVKL: - GV hỏi: Vậy để biết một nước có nền kinh tế phát triển hay không em phải dựa vào đâu? - HSTL: + Tăng trưởng kinh tế. + Cơ cấu kinh tế hợp lý. + Công bằng xã hội. - GV hỏi: Sự tăng trưởng kinh tế được thể hiện như thế nào? Cho ví dụ. - HSTL: - GVKL: Sự tăng trưởng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm, các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó. VD: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 của Việt Nam là 8.43%. - Để phản ánh sự tăng trưởng kinh tế, hiện nay trên thế giới người ta dùng tiêu chí: tổng sản phẩm quốc dân (GNP), hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP). - Giải thích khái niệm: tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội (SGV, tr. 24). $GNP = GDP + \text{thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài}$. Trong đó, thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài = thu nhập chuyển về nước của công dân nước đó làm việc ở nước ngoài trừ đi thu nhập của người nước ngoài làm việc tại nước đó. 	<p>kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội</p> <p>a. Phát triển kinh tế</p> <p>* Khái niệm: Là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội.</p> <p>* Phát triển kinh tế gồm 3 nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phát triển kinh tế biểu hiện trước hết ở sự tăng trưởng kinh tế. - Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kỳ nhất định. - Cơ sở của tăng trưởng kinh tế: . Dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.
--	--

<p>- GV: Tăng trưởng kinh tế phải dựa trên những cơ sở nào, phải gắn với những vấn đề nào? Vì sao? Cho ví dụ minh họa.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>. * Phát triển kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế.</p> <p>. Phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.</p> <p>. Gắn với chính sách dân số phù hợp.</p>
---	---

Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm tìm hiểu ý nghĩa của phát triển kinh tế.

a) Mục tiêu:

- HS nắm được nội dung phát triển kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn đời sống.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.
- GV chia lớp thành 4 nhóm, Gv hướng dẫn HS thảo luận cho các em thảo luận theo các câu hỏi sau:
- * Hãy nêu ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội? Đưa ra các số liệu, dẫn chứng phù hợp để minh họa; hoặc liên hệ thực tiễn để lấy ví dụ minh họa về ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với đời sống. (Tổ 1: thảo luận mục a: đối với cá nhân; tổ 2: thảo luận mục b: đối với gia đình; tổ 3, 4: thảo luận mục c: đối với xã hội).
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Cho các nhóm tranh luận, bổ sung.
- + GV chốt lại các kiến thức cơ bản.
- Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm và thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no. Ví dụ: GDP tăng, thu nhập bình quân đầu người ở nước ta tăng: từ 5.7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005. Năm 2000, bình quân thu nhập đầu người đạt trên 300 USD/người/năm; năm 2004: 562 USD/người/năm; năm 2007: 729 USD/người/năm. Nếu GDP tăng từ 7.5 đến 8%/năm thì thu nhập bình quân ở nước ta năm 2009 dự kiến là 950 USD/người/năm và năm 2010 là 1050 – 1100 USD/người/năm.

b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội

- **Đối với cá nhân:** Tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân.

- **Đối với gia đình:** Là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng của gia đình; xây dựng gia đình văn hóa.

- **Đối với xã hội:**
+ Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện.

<ul style="list-style-type: none"> - Nhờ kinh tế phát triển, đời sống văn hóa được nâng cao và lĩnh vực y tế được đầu tư phát triển phục vụ tốt hơn cho đời sống con người, nên tuổi thọ trung bình của dân số nước ta ngày càng tăng (từ 67.8 tuổi năm 2000 lên 71.5 tuổi năm 2005). - Phát triển kinh tế tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng phong phú cho con người. Ví dụ: thỏa mãn nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp, giải trí, vui chơi, du lịch cho từng cá nhân. - Phát triển kinh tế còn giúp con người có điều kiện học tập, tham gia các hoạt động xã hội, có điều kiện phát triển toàn diện. Ví dụ: tạo điều kiện vật chất, tiền bạc cho các cá nhân theo đuổi ước mơ học đại học và sau đại học (trang trải tiền học phí, ăn ở, sinh hoạt...) để nâng cao trình độ; quyên góp làm từ thiện... - Nhắc lại các chức năng gia đình: chức năng duy trì nòi giống; chức năng kinh tế; chức năng tổ chức đời sống gia đình; chức năng nuôi dưỡng, giáo dục con cái. - Nhờ phát triển kinh tế, cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 – 2005 giảm xuống còn 7%. - Ví dụ: tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, giảm tệ nạn xã hội. - Phát triển kinh tế tạo ra nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực an ninh quốc phòng: trang bị súng ống, đạn dược, 	<ul style="list-style-type: none"> + Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề an sinh xã hội. + Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng cường hiệu lực quản lí của Nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. + Là điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước tiên tiến trên thế giới; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa. <p>Tóm lại: Tích cực tham gia phát triển kinh tế vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của công dân, góp phần thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.</p>
<p>máy móc, thuyền, xe cộ, trả lương cho những người làm trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Kinh tế phát triển, chính trị ổn định, làm cho đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn, nhân dân càng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.</p>	

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 6 SGK trang 11.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện: Phát triển kinh tế phải gắn với chính sách kinh tế phù hợp bởi vì yêu cầu phát triển kinh tế là tốc độ tăng trưởng kinh tế phải cao hơn tốc độ tăng dân số, có như vậy mới có thể đảm bảo chất lượng cuộc sống ngày càng cao.

- Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường để đảm bảo sự phát triển bền vững.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

1. GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ:

- Vì sao nói tăng trưởng kinh tế lại đi đôi với công bằng xã hội?
- HSTL
- GVKL: Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng

kinh tế. Đồng thời tăng trưởng kinh tế phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển

toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

b. Nhận diện xung quanh:

Bằng kiến thức đã học và kiến thức thực tiễn, em hãy lấy ví dụ cụ thể để làm rõ ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với gia đình em?

c. GV định hướng HS:

- HS làm bài tập 4, SGK trang 11.
- HS sưu tầm tác phẩm truyện ngắn “Đời thừa” của nhà văn Nam Cao.

c) **Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) **Tổ chức thực hiện:**

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....

.....

BÀI 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm
- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh quan sát 1 ít vật phẩm như: xà phòng, kem đánh răng, kẹo, bánh....điện thoại thông minh...một ít thóc ở nhà làm, 1 bó rau hái ở vườn....

Hỏi: Các em đã mua chúng ở đâu, giá, mục đích sử dụng của chúng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, trực quan, tình huống để **Tìm hiểu khái niệm và hai thuộc tính của hàng hóa (giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa).**

a) Mục tiêu: học sinh nêu được khái niệm hàng hóa, khái niệm giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa; phân biệt được sự khác nhau giữa hai thuộc tính của hàng hóa...

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Ví dụ: Ông A nuôi 100 con gà. Khi gà đã lớn, ông đã đem bán đi 80 con để thu hồi vốn tái sản xuất và mua lấy các sản phẩm tiêu dùng khác và giữ lại 20 con để giết thịt, cải thiện bữa ăn cho bản thân và gia đình. Vậy, phần gà nào của ông A được gọi là hàng hóa?</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80 con gà mà ông A đem bán, trao đổi lấy các sản phẩm tiêu dùng khác được gọi là hàng hóa. - Em hiểu thế nào là hàng hóa? Cho ví dụ những hàng hóa trong thực tế mà em thường gặp. - Từ khái niệm hàng hóa, hãy cho biết: để một sản phẩm trở thành hàng hóa, phải đảm bảo những điều kiện gì? - Sản phẩm chỉ trở thành hàng hóa khi đảm bảo đủ 3 điều kiện: do lao động tạo ra; có công dụng nhất định để thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người; trước khi đi vào tiêu dùng phải thông qua mua - bán. - Hãy nêu một ví dụ thực tiễn để chứng minh rằng: thiếu một trong 3 điều kiện trên thì sản phẩm không thể trở thành hàng hóa. - Theo em hàng hóa là phạm trù lịch sử hay là phạm trù vĩnh viễn? Vì sao? 	<p>1. Hàng hóa</p> <p>a. Hàng hóa là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - KN: Là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua - bán. - Các dạng tồn tại: <ul style="list-style-type: none"> + Dạng vật thể (hữu hình). + Dạng phi vật thể (hàng hóa dịch vụ). <p>b. Hai thuộc tính của hàng hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sử dụng của hàng hóa: là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. - Giá trị của hàng hóa:
--	---

<p>- Hàng hóa là một phạm trù lịch sử, vì chỉ trong điều kiện sản xuất hàng hóa thì sản phẩm mới được coi là hàng hóa.</p> <p>* Hàng hóa có thể tồn tại ở mấy dạng trong thực tế ? Cho ví dụ?</p> <p>- VD về hàng hóa dạng vật thể, các sản phẩm được trao đổi, mua – bán trên thị trường như: quần áo, giày dép, gạo, thịt, sữa, trứng, khoai, đậu, rau, cải...</p> <p>- VD về hàng hóa dịch vụ: dịch vụ môi giới nhà đất, dịch vụ giới thiệu việc làm, dịch vụ bưu điện...</p> <p>- Chuyên ý: Hàng hóa có những thuộc tính nào? Bản chất của từng thuộc tính đó là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở mục b.</p> <p>- Cho học sinh xem sơ đồ về nhu cầu của con người, trong đó có:</p> <p>+ Nhu cầu cho sản xuất: máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu...</p> <p>+ Nhu cầu tiêu dùng cá nhân:</p> <p>. Về vật chất (lương thực, quần áo, xe cộ...).</p> <p>. Về tinh thần (giải trí, du lịch, đọc sách báo, học tập nâng cao trình độ...).</p> <p>- Yêu cầu học sinh lấy ví dụ về một số sản phẩm thỏa mãn từng nhu cầu nói trên.</p> <p>- Yêu cầu học sinh tìm ra các công dụng của từng sản phẩm hàng hóa mà các em đã nêu. Ví dụ: lương thực</p>	<p>+ Được biểu hiện ra bên ngoài thông qua giá trị trao đổi của nó.</p> <p>+ Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.</p> <p>=> Hàng hóa là sự thống nhất của hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị, nhưng là sự thống nhất của hai mặt đối lập, thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm không thể trở thành hàng hóa.</p>
--	---

dùng để cho con người ăn; cho gia súc, gia cầm ăn; làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Chính công dụng của sản phẩm đã làm cho hàng hóa có giá trị sử dụng. Vậy, giá trị sử dụng của hàng hóa là gì?

- Một hàng hóa có thể có một hoặc nhiều giá trị sử dụng. Ví dụ: Than đá, dầu mỏ lúc đầu chỉ dùng làm chất đốt, sau đó dùng làm nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp để chế biến ra nhiều loại sản phẩm khác phục vụ cho đời sống.

- Công dụng của vật phẩm do thuộc tính tự nhiên của vật chất quyết định. Khoa học kỹ thuật càng phát triển, người ta càng phát hiện thêm những thuộc tính mới của sản phẩm và lợi dụng chúng để tạo ra những giá trị sử dụng mới. Giá trị sử dụng chỉ thể hiện ở việc sử dụng hay tiêu dùng, không phải cho người sản xuất ra hàng hóa đó mà cho người mua, cho xã hội. Nó là nội dung vật chất của của cải và là phạm trù vĩnh viễn. Vật mang giá trị sử dụng cũng đồng thời là vật mang giá trị trao đổi.

- Theo em, giá trị của hàng hóa được biểu hiện ra bên ngoài thông qua hình thức nào?

- Giá trị trao đổi là gì?

- Ví dụ: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó). Trên thị trường, tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có

thể thay đổi. VD: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 10 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) hoặc 2 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó).

<p>Như vậy, nội dung, cơ sở của giá trị trao đổi là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau - Giá trị của hàng hóa là gì? - Là căn cứ vào lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa ẩn chứa (kết tinh) trong các hàng hóa ấy, hay căn cứ vào giá trị của hàng hoá. - Thực chất của quan hệ trao đổi là trao đổi lượng lao động hao phí của mình chứa đựng trong các hàng hóa. <p>Nên giá trị là biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa, là một phạm trù lịch sử, gắn liền với nền sản xuất hàng hóa, là thuộc tính xã hội của hàng hóa.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.

a) Mục tiêu:

- Học sinh nêu được nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở. - Có phải khi sản xuất và trao đổi hàng hóa xuất hiện thì tiền tệ cũng xuất hiện? - Khi nào tiền tệ xuất hiện? - Nhận xét, chốt lại. - Bản chất của tiền tệ là gì ? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>1. Tiền tệ</p> <p>a. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ</p> <p>* Nguồn gốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị. - Có 4 hình thái giá trị phát triển từ thấp lên cao dẫn đến sự ra đời của tiền tệ: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. + Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng. + Hình thái chung của giá trị. + Hình thái tiền tệ <p>* Bản chất: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm ra làm vật ngang giá chung thống nhất, là sự tsự thể hiện chung của giá trị và biểu hiện qua mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: GV tổ chức cho học sinh làm bài tập:

Câu 1. Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện ?

- A. Hai điều kiện.
- B. Bốn điều kiện.
- C. Ba điều kiện.
- D. Một điều kiện.

Câu 2. Hàng hóa có hai thuộc tính là :

- A. giá trị và giá cả.
- B. giá trị trao đổi và giá trị sử dụng.
- C. giá cả và giá trị sử dụng.
- D. giá trị và giá trị sử dụng.

Câu 3. Vật phẩm nào dưới đây **không phải** là hàng hóa ?

- A. Điện.
- B. Nước máy.
- C. Không khí.
- D. Rau trồng để bán.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

1. GV nêu yêu cầu :

a. Tự liên hệ

- Trong cuộc sống các em phải phân biệt được hàng hóa và đâu không phải là hàng hóa và vai trò của tiền tệ.

b. Nhận diện xung quanh

Nêu nhận xét của em về chất lượng hàng hóa ở địa phương em

c. GV định hướng HS

- Hằng ngày phải biết quý trọng đồng tiền tiêu đúng mục đích, biết tiết kiệm đồng tiền, giữ và vai trò của tiền tệ.... đẹp. tôn trọng tiền lẻ...
- HS làm bài tập bài tập 5 trong SGK
- HS chủ động thực hiện những yêu cầu trên

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BÀI 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Chức năng của tiền tệ
- Nêu được khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường
- Biết phân biệt được thị trường ở dạng đơn giản và thị trường ở dạng hiện đại

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm
- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh quan sát tranh ảnh thị trường trao đổi hàng hóa. Hỏi: Việc trao đổi hàng hóa diễn ra ở đâu?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS: trả lời theo gợi ý của gv.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, trực quan, tình huống để **Tìm hiểu các chức năng của tiền tệ.**

a) **Mục tiêu:** học sinh nêu được các chức năng cơ bản của tiền tệ.

b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV nêu VD thực tiễn phân tích 5 chức năng của tiền tệ: (sơ đồ)</p> <p>→Thước đo giá trị</p> <p>→Phương tiện lưu thông</p> <p>→Phương tiện cất trữ</p> <p>→Phương tiện thanh toán</p> <p>→Tiền tệ thế giới.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Phát biểu ý kiến, lấy dẫn chứng để phân tích minh họa.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>1. Tiền tệ</p> <p>b. Chức năng của tiền tệ</p> <p>* Thước đo giá trị</p> <p>+ Tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của HH.(giá cả).</p> <p>+ Giá cả HH quyết định bởi các yếu tố: giá trị HH, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu HH</p> <p>* Phương tiện lưu thông</p> <p>Theo công thức: H - T - H (tiền là môi giới trao đổi)</p> <p>Trong đó, H- T là quá trình bán, T- H là quá trình mua.</p> <p>VD: sgk.</p> <p>* Phương tiện cất trữ</p>

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa	<p>Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi cần đem ra mua hàng; vì tiền đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị</p> <p>* Phương tiện thanh toán</p> <p>Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán (trả tiền mua chịu HH, trả nợ, nộp thuế...) VD: SGK</p> <p>* Tiền tệ thế giới</p> <p>Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ nước này sang nước khác, việc trao đổi tiền nước này với nước khác theo tỉ giá hối đoái. VD: 1USD = 19.100đ VN (thời giá 2010)</p> <p>→ Năm chức năng của tiền tệ có quan hệ mật thiết với nhau.</p> <p>c. Quy luật lưu thông tiền tệ</p> <p>(Không học)</p>
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường.

a) Mục tiêu: học sinh nêu được khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	3. Thị trường a. Thị trường là gì ?

<p>GV hướng dẫn học sinh đọc nội dung phần a.</p> <p>GV đưa ra hệ thống câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thị trường xuất hiện khi nào? <p>=> Sự xuất hiện và phát triển của thị trường gắn liền với sự ra đời và phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy lấy ví dụ về thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình), sơ khai gắn với không gian, thời gian nhất định. <p>=> Ví dụ: mua bán rau quả, thịt cá ở nhóm chợ đồng quê</p> <p>=> Thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình) như : thị trường tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu và phân tích một số dạng thị trường hiện đại có tính chất môi giới, trung gian, vô hình : thị trường nhà đất (thị trường bất động sản), thị trường chất xám, thị trường sức lao động... <p>→ Dù là thị trường giản đơn hay hiện đại đều luôn có sự tác động qua lại của các yếu tố cấu thành thị trường như : hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán, dẫn đến quan hệ cung - cầu, xác định giá cả và số lượng hàng hóa được trao đổi mua bán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thị trường là gì ? - Các “chủ thể kinh tế” của thị trường bao gồm các thành phần nào ? 	<p>Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>b. Các chức năng cơ bản của thị trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa - Chức năng thông tin - Chức năng điều tiết (kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng). <p>=> Hiểu và vận dụng được các chức năng của thị trường sẽ giúp cho người sản xuất và tiêu dùng giành được lợi ích kinh tế lớn nhất và Nhà nước cần ban hành những chính sách kinh tế phù hợp nhằm hướng nền kinh tế vào những mục tiêu xác định.</p>
--	---

<p>=> Các chủ thể kinh tế của thị trường gồm: người bán, người mua, cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, nhà nước ... tham gia vào mua bán, trao đổi trên thị trường.</p> <p>- Thị trường có các chức năng cơ bản nào ?</p> <p>=> Cần xem xét trên hai thuộc tính : giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa. Nếu hàng hóa bán được tức là xã hội thừa nhận hàng hóa đó phù hợp với nhu cầu của thị trường thì giá trị của nó được thực hiện (người sản xuất ra hàng hóa được bù đắp giá trị, có vốn để tái sản xuất), hàng hóa đó có ích cho xã hội và ngược lại.</p> <p>VD: Xí nghiệp của ông A sản xuất giấy bao bì tập của học sinh. Sản phẩm của ông A bán rất chạy với lý do: mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu khách hàng; giá cả vừa phải (1.000đ/chục).</p> <p>- Trên đài truyền hình, hàng ngày đều có bản tin thị trường nói về giá cả của một số mặt hàng như: rau quả, gạo, thịt, cá, giá vàng bạc, xe máy...</p> <p>Khi đó, thị trường có chức năng gì ?</p> <p>- Thị trường cung cấp cho các chủ thể tham gia thị trường những thông tin về quy mô cung - cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện mua - bán... các hàng hóa, dịch vụ, từ đó giúp cho người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu</p>	
<p>nhiều lợi nhuận ; còn người mua sẽ điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất.</p> <p>VD: Nhờ nắm bản tin thị trường vàng bạc, đá quý mà khách hàng có thể quyết định mua vào cất trữ hay bán ra ; mua, bán vào thời điểm nào là có lợi nhất.</p>	

<p>- Chức năng thứ 3 của thị trường là gì ?</p> <p>- Sự biến động của cung - cầu, giá cả trên thị trường đã điều tiết các yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác, luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác, nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao.</p> <p>+ Ở một ngành nào đó khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hóa sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hóa bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Ngược lại, khi cung ở ngành đó vượt quá cầu, giá cả hàng hóa giảm xuống, hàng hóa bán không chạy và có thể lỗ vốn, buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hóa cao.</p> <p>+ Khi giá cả một hàng hóa nào đó tăng lên sẽ kích thích xã hội sản xuất ra hàng hóa đó nhiều hơn, nhưng lại làm cho nhu cầu tiêu dùng về hàng hóa đó bị hạn chế. Ngược lại, khi giá cả của một hàng hóa giảm xuống sẽ kích thích tiêu dùng và hạn chế việc sản xuất hàng hóa đó.</p>	
<p>- Cơ chế thị trường ngoài tác dụng tích cực, vẫn có những khuyết tật, hạn chế và tác động tiêu cực. Vì thế, Nhà nước cần phải có sự điều tiết vĩ mô (bằng pháp luật, chính sách...) để phát huy tác dụng tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của nó, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; đảm bảo cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS</p>	

trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập :

- GV: Các nhân tố cơ bản của thị trường là:

a) Hàng hóa b) Tiền tệ

c) Người bán - người mua d) Cả 3 ý trên

- HS: Chọn phương án d.
- GV: Cho ví dụ về sự vận dụng chức năng của thị trường điều tiết, kích thích đối với người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng?
- HS:

+ Người sản xuất bánh Trung Thu:

- . Giá cao → Sản xuất nhiều
- . Giá thấp → Chuyển sang làm bánh bía

+ Người kinh doanh:

- . Đưa gạo từ nông thôn về thành thị
- . Đưa vải từ thành thị về nông thôn

+ Người tiêu dùng:

- . Nếu giá thịt cao thì ăn cá,...
- . Nếu giá thịt rẻ thì ăn thịt

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

- Trong cuộc sống các em phải phân biệt được các loại thị trường.

b. Nhận diện xung quanh

Nêu nhận xét của em về thị trường hàng hóa ở địa phương em

c. GV định hướng HS

- Hằng ngày phải biết quý trọng đồng tiền tiêu đúng mục đích, biết tiết kiệm đồng tiền, giữ và vai trò của tiền tệ.... đẹp. tôn trọng tiền lẻ...

- Hs làm bài tập bài tập 8,9 SGK trang 27.

- Hs chủ động thực hiện những yêu cầu trên

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG

HÓA (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

Nêu được nội dung cơ bản của quy luật giá trị và tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Biết vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gần gũi trong cuộc sống.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tình huống Giáo dục công dân 11.
- Sách chuẩn kiến thức kỹ năng, giáo dục kỹ năng sống trong môn GDCC.
- Tranh, ảnh, sơ đồ, giấy khổ to.
- Máy vi tính, đèn chiếu (projector).
- Sơ đồ (thời gian lao động cá biệt và thời gian lao động xã hội cần thiết), biểu đồ, biểu bảng....
- Đồ dùng đơn giản để đóng vai...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV tổ chức cho hs chơi trò chơi có thưởng.
- Hs xung phong tham gia.
- Gv nêu yêu cầu: gấp 5 con hạc giấy trong thời gian 2 phút. Nếu ai làm xong trong khoảng thời gian yêu cầu sẽ được 9 điểm, ai làm được nhiều hơn sẽ có thêm phần thưởng và ai làm không đạt yêu cầu sẽ bị phạt.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Hs tiến hành gấp con hạc, cho ra kết quả
- Gv nhận xét về kết quả của HS và đưa ra kết luận:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Thuyết trình, đàm thoại gợi mở tìm hiểu nội dung của quy luật giá trị.

a) Mục tiêu:

- Hs nêu được nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Rèn luyện NL nhận thức, NL giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV đưa ra sơ đồ về 3 nhà sx:</p> <p>Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất hàng hóa, đối với 1 hàng hóa:</p>	<p>1. Nội dung của quy luật giá trị</p> <p>- Nội dung khái quát: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.</p>

<p>- Gv nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về kết quả và hiệu quả kinh tế của 3 nhà sx trên?</p> <p>- Hs suy nghĩ, trả lời.</p> <p>- Gv kết luận: Nhà sx A có lãi, nhà sx C hòa vốn, nhà sx B thua lỗ. Lợi ích kinh tế của 3 nhà sx A,B,C được xác định do tác động của quy luật giá trị. Vậy nội dung của quy luật giá trị là gì?</p> <p>- Gv nêu nội dung của quy luật: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	
---	--

Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, đàm thoại gợi mở tìm hiểu yêu cầu của quy luật giá trị.

a) Mục tiêu:

- Học sinh nêu được biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Rèn luyện NL giao tiếp, NL giải quyết vấn đề cho hs.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chiếu lại sơ đồ trong hoạt động 1 và lần lượt nêu câu hỏi:

+ Quy luật giá trị có yêu cầu gì đối với người sx hàng hóa?

+ Quy luật giá trị có yêu cầu gì đối với người lưu thông hàng hóa?

- Với mỗi câu hỏi hs có 45s để suy nghĩ.

- HS phản hồi ý kiến(mỗi câu hỏi có 1- 2 hs nêu ý kiến cá nhân)

- GV kết luận và giải thích bằng sơ đồ:

Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất hàng hóa, đối với tổng hàng hóa:

- Giải thích sơ đồ:

+ Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt < tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm

- Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa:

+ Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

+ Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.

- **Đối với 1 hàng hóa**, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.

- **Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội**, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa

<p>quy luật giá trị, dẫn đến thiếu hàng hóa trên thị trường.</p> <p>+ Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt > tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị, dẫn đến thừa hàng hóa trên thị trường.</p> <p>+ Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt = tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, phù hợp với yêu cầu của quy luật giá trị, nên có tác dụng góp phần cân đối và ổn định thị trường.</p> <p>- Sơ đồ biểu hiện nội dung quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa, đối với 1 hàng hóa:</p> <p>→ Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.</p> <p>- Trên thị trường, giá cả của từng hàng hóa có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa hình thành trong sản xuất, do ảnh hưởng của cạnh tranh, cung - cầu.</p> <p>- VD: Hàng hóa A có giá trị = 10 giờ lao động, nhưng trên thị trường có thể bán = 11 giờ hoặc 9 giờ lao động. Chúng đều xoay quanh trục 10 giờ lao động.</p> <p>- Gv giảng thêm: Yêu cầu này là điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế hàng hóa vận động và phát triển bình thường (hay cân đối).</p>	<p>sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.</p>
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: - Gv phát phiếu học tập, yêu cầu hs viết 2- 3 dòng sau đó thu lại kết quả và đọc trước lớp.

Phiếu học tập:

Học quy luật giá trị em tâm đắc nhất vấn đề:..... vì.....
--

- Gv tổ chức cho hs làm bài tập 1,2 (trong phần câu hỏi và bài tập) theo nhóm (4- 6 em).
- Hs làm bài tập.
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm bài, lớp nhận xét đánh giá và thống nhất đáp án.
- Gv chính xác hóa đáp án:

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu: 1) Gv nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

- Trong quá trình học tập, quá trình lao động sản xuất của bản thân em đã thực hiện đúng theo quy luật giá trị chưa? Cho ví dụ minh họa?

b. Nhận diện xung quanh

Hãy nêu nhận xét của em về việc thực hiện nội dung của quy luật giá trị.

c. Gv định hướng học sinh.

Học sinh nắm rõ quy luật giá trị và nội dung của quy luật giá trị.

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

(Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được tác động của quy luật giá trị.
- Nêu một số ví dụ về sự vận động của quy luật giá trị khi vận dụng trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở nước ta.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa ra ví dụ cụ thể về việc vận chuyển hàng hóa từ nơi này đến nơi khác và ngược lại. Vì sao lại có sự vận chuyển đó là do sự tác động của quy luật nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ

GV kết luận: Tác động của quy luật giá trị.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**Hoạt động 1: Thảo luận nhóm tìm hiểu tác động của quy luật giá trị.****a) Mục tiêu:**

- Học sinh nêu và phân tích được những tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Rèn luyện NL đánh giá, giải quyết vấn đề, NL giao tiếp và hợp tác cho HS

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về 1 tác động Gv nêu câu hỏi định hướng cho thảo luận nhóm + Nhóm 1: Tác động điều tiết sx và lưu thông được biểu hiện như thế nào? Cho ví dụ? + Nhóm 2: Tại sao quy luật giá trị có tác động kích thích sự phát triển của lực lượng sx và làm tăng năng suất lao động xh? Cho ví dụ? 	<p>1. Tác động của quy luật giá trị</p> <p>a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.</p> <p>Là sự phân phối lại các yếu tố TLSX và sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác; phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác; mặt hàng này sang mặt hàng khác theo hướng từ nơi có lãi ít hoặc không lãi sang nơi lãi nhiều thông qua biến động của giá cả trên thị trường dưới tác động của quy luật cung cầu.</p>
<p>+ Nhóm 3: Tác động phân hóa giàu nghèo giữa những người sx của quy luật giá trị được biểu hiện như thế nào?</p> <p>Nhóm 4: (Đưa ra bài tập tình huống)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS các nhóm thảo luận và cử đại diện trình bày. Nhóm khác nghe và nhận xét - GV nhận xét và phân tích sâu hơn bằng sơ đồ minh họa về những tác động của quy luật giá trị (Bảng 1, SGK, tr. 54). <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên</p> <p>Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận, phải tìm cách cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao tay nghề của người lao động, hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm... làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa.</p> <p>c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết, nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều kiện mua sắm thêm TLSX, đổi mới kỹ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh. - Những người không có điều kiện thuận

	lợi, làm ăn kém cỏi, gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó.
--	--

Hoạt động 2: Đàm thoại tìm hiểu vận dụng quy luật giá trị của Nhà nước và công dân.

a) Mục tiêu:

- Làm cho học sinh nhận thức được nội dung, biết vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cho hs.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV lần lượt nêu câu hỏi: + Ở nước ta trong thời kì bao cấp, quy luật giá trị có được thừa nhận không? Tại sao? + Thời kì đổi mới, nhà nước có những biện pháp nào để phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của quy luật giá trị? + Nếu là nhà sản xuất, kinh doanh, em sẽ thực hiện những giải pháp nào để có nhiều lãi? - Với mỗi câu hỏi HS có 1 phút suy nghĩ. - Hs phản hồi ý kiến (mỗi câu hỏi có 2- 3 hs nêu ý kiến cá nhân). - Gv ghi ý kiến của hs lên bảng phụ. - GV Nhận xét, chốt lại bằng sơ đồ Sách chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 11, trang 52,53. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện</p>	<p>3. Vận dụng quy luật giá trị</p> <p>a. Về phía Nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. - Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực. <p>b. Về phía công dân (doanh nghiệp và kinh tế gia đình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận. - Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp

nhiệm vụ	với nhu cầu.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	- Đổi mới kỹ thuật – công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa.
Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: - Gv phát phiếu học tập, yêu cầu hs viết 2- 3 dòng sau đó thu lại kết quả và đọc trước lớp.

Phiếu học tập:

Học tác động quy luật giá trị em tâm đắc nhất vấn đề:.....vì
--

- Gv tổ chức cho hs làm bài tập 8,9 (trong phần câu hỏi và bài tập) theo nhóm (4- 6 em).
- Hs làm bài tập.
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm bài, lớp nhận xét đánh giá và thống nhất đáp án.
- Gv chính xác hóa đáp án:

Bài tập 8: Ở một số cửa hàng cụ thể

- + Mua hàng từ các nơi đầu mối về bán lẻ với giá cao hơn để thu lãi.
- + Vận chuyển hàng đến những nơi khan hiếm để bán chạy và với lãi cao hơn.

Bài tập 9: Chỉ ra cho hs một số làng nghề đã áp dụng máy móc hiện đại vào quá trình sản xuất như:

- + Làng sx lụa Vạn Phúc, Hà Đông.
- + Làng Hồng, Thiệu Đô làm nghề dệt nhiễu.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

1) Gv nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

- Trong quá trình học tập, quá trình lao động sản xuất của bản thân em đã thực hiện đúng theo tác động quy luật giá trị chưa?
- Nêu những việc làm được, những việc chưa làm được? Vì sao?
- Hãy nêu cách khắc phục những hạn chế trên?

b. Nhận diện xung quanh

Hãy nêu nhận xét của em về việc thực hiện, vận dụng tác động của quy luật giá trị của các bạn trong lớp và của gia đình.

c. Gv định hướng học sinh.

Học sinh nắm rõ và tích cực vận dụng quy luật giá trị vào cuộc sống.

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....

.....

BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (1 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được khái niệm cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh
- Hiểu được mục đích cạnh tranh, tính hai mặt của cạnh tranh

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv cho Hs xem và quan sát các bức tranh

- GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về mục đích của việc quảng các loại sữa trên?

- 2 đến 3 HS trả lời

- GV bổ sung, kết luận:

Vậy các em hiểu thế nào là cạnh tranh? Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, mục đích

của cạnh tranh và tính hai mặt của cạnh tranh chúng ta cùng tìm hiểu trong bài 4

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp đàm thoại, thuyết trình, tìm hiểu khái niệm cạnh tranh.

a) Mục tiêu:

- HS nêu được cạnh tranh là gì? Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

- Rèn luyện năng lực tư duy quan sát, nhận định, phân tích

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Cách tiến hành: GV cho HS quan sát các bức tranh trên</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: Theo các em cạnh tranh là gì? - 2 đến 3 học sinh trả lời - GV kết luận nội dung <p>Gv hỏi tiếp: Như vậy khái niệm cạnh tranh gồm những nội dung cơ bản nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính chất của cạnh tranh: là sự đấu tranh giành đua về kinh tế - Các chủ thể tham gia cạnh tranh: Người bán, người mua, người sản xuất, người tiêu dùng - Mục đích của cạnh tranh: thu nhiều lợi nhuận nhất. <p>Gv chuyển ý: Chúng ta vừa tìm hiểu khái niệm cạnh tranh, vậy nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh? Chúng ta tìm hiểu mục b.</p> <p>Gv: Theo các em nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh?</p> <p>Học sinh trả lời:</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh:</p> <p>a. Khái niệm cạnh tranh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh nhằm giành được những điều kiện thuận lợi nhất để thu được lợi nhuận cao
<p>Gv: kết luận nhấn mạnh các ý chính, sự tồn tại nhiều chủ sở hữu. Điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau</p> <p>Chuyển tiếp: Vậy mục đích của cạnh tranh là gì? Để đạt được mục đích những người tham gia cạnh tranh thông qua những loại cạnh tranh nào?</p>	

Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp đàm thoại, thuyết trình, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

a) Mục tiêu:

- Học sinh nêu được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
- Rèn luyện năng lực tư duy phán đoán, giải quyết vấn đề cho học sinh

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv hỏi: Theo em, những người tham gia cạnh tranh nhằm giành lấy những gì? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách các những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất
<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận về mục đích của cạnh tranh, các thể hiện của mục đích cạnh tranh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

Hoạt động 3: Sử dụng phương pháp đàm thoại, tìm hiểu mục đích cạnh tranh.

a) Mục tiêu:

- HS nắm được mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh
- Rèn luyện năng lực phân biệt cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh từ đó ủng hộ cạnh tranh lành mạnh và phê phán cạnh tranh không lành mạnh

b) Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV trình bày Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cạnh tranh tích cực hay hạn chế? Câu trả lời là: Cạnh tranh có hai mặt: Mặt tích cực và mặt hạn chế. Hãy tìm hiểu tính hai	Mục đích cạnh tranh: Mục đích: Nhằm giành lợi ích về mình nhiều hơn người khác. - Mục đích của cạnh tranh thể hiện ở các mặt: + Giành nguồn nguyên liệu và nguồn lực sản xuất khác nhau. + Giành ưu thế về khoa học và công nghệ. + Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng.
mặt này của cạnh tranh tính hai mặt của cạnh tranh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa	+ Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa và phương thức thanh toán...

Hoạt động 4: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, tìm hiểu tính 2 mặt của cạnh tranh.

a) Mục tiêu:

- HS nắm được mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh
- Rèn luyện năng lực phân biệt cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh từ đó ủng hộ cạnh tranh lành mạnh và phê phán cạnh tranh không lành mạnh

b) Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: CÂU HỎI THẢO LUẬN	3. Tính hai mặt của cạnh tranh:

<p>- Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV phát bút dạ, giấy A3, cho các nhóm làm việc + GV phân nhóm và thời gian thảo luận + Hết thời gian 5 phút đại diện các nhóm lên trình bày <p>Nhóm 1 và 2: Tìm hiểu biểu hiện và cho ví dụ minh họa về mặt tích cực của cạnh tranh.</p> <p>Nhóm 3 và 4: Tìm hiểu các biểu hiện và cho ví dụ minh họa về mặt tiêu cực của cạnh tranh.</p> <p>Để phát huy mặt tích cực và giảm thiểu mặt tiêu cực của cạnh tranh chúng ta cần phải làm gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Đại diện hai nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p> <p>Cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan của sản xuất và lưu thông hàng hóa vừa tích cực vừa hạn chế, nhưng mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội.</p> <p>Mặt hạn chế sẽ được nhà nước điều tiết thông qua giáo dục, pháp luật và các chính sách kinh tế thích hợp.</p>	<p>a. Mặt tích cực của cạnh tranh:</p> <p>Biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kỹ thuật phát triển và năng suất xã hội tăng lên. - Khai thác tối đa mọi nguồn lực khác của đất nước vào phát triển kinh tế. - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. <p>b. Mặt hạn chế của cạnh tranh:</p> <p>Biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm cho môi trường sinh thái bị mất cân bằng. - Xuất hiện những thủ đoạn phi pháp và bất lương. - Đầu cơ tích trữ và gây rối loạn thị trường tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm bài tập 4,5,6

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS tự liên hệ trong cuộc sống hàng ngày khi tham gia vào các quan hệ trong đời sống

- Chúng ta nên thực hiện và ủng hộ cạnh tranh lành mạnh, phê phán cạnh tranh không lành mạnh.

- Nêu một số doanh nghiệp làm ăn phát đạt, thực hiện đúng pháp luật ...

- Nêu một số doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh dẫn đến cản trở sự phát triển.

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....
.....

BÀI 5: CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (1 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được khái niệm cung, cầu.

- Hiểu được mối quan hệ cung – cầu, vai trò của quan hệ cung cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Nêu được sự vận dụng quan hệ cung – cầu.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Kích thích học sinh tìm hiểu quy luật cung – cầu.
- Rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Học sinh xem phim về khu vui chơi VINPERL
- Đàm thoại để học sinh thấy được nhu cầu của con người và nguồn cung đáp ứng nhu cầu của con người, cụ thể ở đây là nhu cầu vui chơi, giải trí, du lịch khám phá...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

- Cung – cầu là một trong những quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa.
- Tất cả chúng ta đều chịu sự tác động của quy luật này trong sinh hoạt hàng ngày.

Vậy chúng ta hiểu cụ thể quy luật này như thế nào để có thể vận dụng cho cá nhân mình?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở để tìm hiểu khái niệm cầu.

a) Mục tiêu: HS nhận biết được khái niệm cầu

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV: Đặt vấn đề</p> <p>Trong nền sản xuất hàng hóa mục đích của sản xuất là để tiêu dùng, để bán . Trong đó sản xuất gắn với cung và tiêu dùng gắn với cầu.</p> <p>GV: ghi lên bảng một số nhu cầu về các loại hàng hóa: nhà, ô tô, máy vi tính, cặp sách, mũ, đĩa nhạc, giày dép, bút,...</p>	<p>1. Khái niệm cung- cầu:</p> <p>a. Khái niệm cầu:</p> <p>Cầu là khối lượng hàng hóa dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định</p> <p>* Yếu tố ảnh hưởng đến cầu</p>

<p>GV: hỏi HS trong số những hàng hóa trên các em có nhu cầu nào?</p> <p>HS: Trả lời</p> <p>GV: các em có thể thanh toán cho những nhu cầu nào?</p> <p>- Theo em có mấy loại nhu cầu và có phải bất kì nhu cầu nào cũng được nhà sản xuất quan tâm?</p> <p>- Vậy qua ví dụ và phân tích trên em hãy cho biết cầu là gì?</p> <p>* Gv chốt lại:</p> <p>- GV: Vậy số lượng cầu phụ thuộc vào những yếu tố nào?</p> <p>Ví dụ: Người nông dân có nhu cầu mua máy tuốt lúa → Phù hợp với thu nhập của mình</p> <p>Ví dụ: Các loại điện thoại di động trên 10 triệu... ít người sử dụng vì giá cao → Phụ thuộc vào giá cả</p> <p>Ví dụ: Vào mùa trung thu nhà nào cũng có nhu cầu mua bánh trung thu → Phụ thuộc vào thị hiếu của người tiêu dùng</p> <p>.....→</p> <p>Ví dụ: Vào mùa hè nhiều cá nhân, gia đình đi du lịch, do thời tiết, do hs được nghỉ hè.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Thu nhập, giá cả, thị hiếu, tâm lý....., trong đó thu nhập và giá cả là những yếu tố chủ yếu.</p>
<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	

Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết

trình, gọi mở để tìm hiểu khái niệm cung.

a) Mục tiêu: Hs hiểu được khái niệm cung.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Gv hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người tiêu dùng có tiền thì sẽ tìm nhu cầu về những mặt hàng hóa ở đâu? - GV: Hàng hóa được thị trường cung cấp được gọi là cung. Vậy cung là gì? - GV hỏi: vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến số lượng cung? và cho vd <p>HS: trả lời</p> <p>* GV chốt lại:</p> <p>* Những yếu tố ảnh hưởng đến cung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng sản xuất. 	<p>b. Khái niệm cung:</p> <p>Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng. - Chi phí sản xuất. - Chất lượng. - Năng suất. - Giá cả - Quan trọng nhất. - Phong tục, tập quán . <p>Vd1: Giá thịt gà tăng cao thì có nhiều nhà chăn nuôi, mở rộng trang trại.</p> <p>Vd2: đạo Hồi kiêng ăn thịt heo nên hạt nêm Knor được làm từ xương hầm thịt heo nguyên chất không thể bán được ở các nước theo đạo Hồi. Đạo Hindu không ăn thịt bò...</p>	

<p>- Vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến cung và trong các yếu tố đó yếu tố nào là quan trọng nhất?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	
---	--

Hoạt động 3: Sử dụng phương pháp đàm thoại, nêu vấn đề, gợi mở để làm rõ mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

a) Mục tiêu: Ở phần trên chúng ta đã tìm hiểu và biết được thế nào là cung, cầu hàng hoá nhưng chúng có quan hệ như thế nào với nhau và vai trò của chúng đối với sản xuất và lưu thông hàng hoá là như thế nào thì chúng ta sẽ tìm hiểu ở phần 2

b) Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV: nếu một nhà sx làm ra nhiều hàng hóa mà không quan tâm đến nhu cầu của người tiêu dùng thì sẽ ntn?</p> <p>HS: Trả lời</p> <p>GV: Nhận xét và đặt tiếp câu hỏi:</p> <p>Vậy ngược lại người tiêu dùng có quan tâm đến tình hình của nhà sx hay không?</p> <p>HS: Trả lời</p> <p>GV: nhận xét và bổ sung</p> <p>- Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá trên thị trường cung và cầu thường xuyên tác động với nhau và là hai bộ phận cấu thành mối quan hệ cung - cầu.</p>	<p>Nội dung: Mối quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.</p> <p>Ba biểu hiện của nội dung quan hệ cung - cầu:</p> <p>* Cung - cầu tác động lẫn nhau:</p> <p>- Cầu tăng => sản xuất mở rộng => cung tăng.</p> <p>- Cầu giảm => sản xuất thu hẹp => cung giảm.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Mọi quan hệ này thường xuyên tiếp diễn trên thị trường, tồn tại và hoạt động một cách khách quan độc lập với ý của con người - GV: Vậy nội dung của mối quan hệ cung-cầu là gì? - HS: trả lời - GV chốt lại: 	<p>* Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung = Cầu $\rightarrow$ giá cả = giá trị. - Cung > Cầu $\rightarrow$ giá cả < giá trị . - Cung < Cầu $\rightarrow$ giá cả > giá trị. <p>* Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu:</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV: vậy nội dung mối quan hệ cung- cầu có những biểu hiện nào chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu. - GV: Sau khi phân tích như vậy thì em nào hãy lấy ví dụ về sự tác động lẫn nhau giữa cung và cầu? - HS: cho vd - GV: nhận xét và cho thêm vd - Vd1: vào mùa trung thu nhu cầu bánh trung thu tăng cao $\Rightarrow$ nhà sx bánh trung thu (Kính Đô, Đồng Khánh, Như Lan...) sx ra nhiều. Qua mùa trung thu nhu cầu giảm $\Rightarrow$ các hãng thu hẹp sx hoặc không sx nữa thay thế bằng các loại bánh khác. - Vd2: khi luật pháp quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy nếu không sẽ bị xử lý nghiêm, triệt để. Nhu cầu mũ bảo hiểm tăng (cầu tăng) $\Rightarrow$ cung tăng (các nhà sx sản xuất ra nhiều mũ bảo hiểm, nhiều cơ sở sx mũ bảo hiểm cũng ra đời) Thay vào đó là ta thấy mũ vải mất chỗ đứng, nhu cầu giảm rõ rệt $\Rightarrow$ các nhà sx thu hẹp sx hoặc chuyển sang sx mặt hàng khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - về phía cung: Khi giá cả tăng $\Rightarrow$ cung tăng và ngược lại. - về phía cầu: Khi giá cả giảm $\Rightarrow$ cầu tăng và ngược lại <p>b. Vai trò của quan hệ cung - cầu: (Không học)</p>

<p>- GV: Theo em cung và cầu có ảnh hưởng đến giá cả trên thị trường hay không? Em hãy lấy ví dụ minh họa cho trường hợp này.</p>	
<p>- HS: trả lời ý kiến cá nhân.</p> <p>- GV: nhận xét và cho thêm vd</p> <p>- Vd1: qua mùa trung thu nhu cầu về bánh trung thu giảm=> giá bán bánh trung thu giảm đột ngột.</p> <p>- Vd2: trái cây trái mùa (cung < cầu) giá cao</p> <p>- Vd3: tết nhu cầu bánh kẹo tăng=> giá bánh kẹo thường cao hơn.</p> <p>- GV: Qua ví dụ em nào hãy cho cô biết giá cả ảnh hưởng như thế nào đối với cung - cầu ?</p> <p>- HS: cho vd</p> <p>- GV: nhận xét và cho thêm vd</p> <p>- Vd1: khi giá cà phê giảm=> thu hẹp sx, nhiều gỗ còn chặt cây cà phê để trồng loại cây khác.</p> <p>- Vd2: khi giá gạo, cà phê tăng người dân lại sx, trồng nhiều.</p> <p>- Vd3: khi có đợt giảm giá, khuyến mãi người tiêu dùng đổ xô đi mua hàng</p> <p>- Vd4: giá xăng tăng thì người tiêu dùng giảm nhu cầu đi lại hoặc chọn phương tiện đi lại công cộng như xe buýt rẻ hơn..</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	
<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính</p>	

Hoạt động 4: Đàm thoại để học sinh hiểu vận dụng quan hệ cung - cầu trong thực tiễn.

a. Mục tiêu:

- Hs hiểu được việc vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước, của người sản xuất kinh doanh và của người tiêu dùng.

b) Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV sử dụng phương pháp đàm thoại, yêu cầu học sinh suy nghĩ và cho biết việc vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước, của người sản xuất kinh doanh và của người tiêu dùng.</p>	<p>3. Vận dụng quan hệ cung - cầu:</p> <p>+ Đối với nhà nước: Thông qua việc điều tiết cung - cầu trên thị trường.</p> <p>- Khi cung < cầu do khách quan điều tiết bằng cách sử dụng lực lượng dự trữ giảm giá để tăng cung.</p> <p>- Khi cung < cầu do tự phát, đầu cơ, tích trữ, điều tiết bằng cách: xử</p>
<p>GV: Lấy một vài ví dụ cho HS</p> <p>Ví dụ : Các em thấy trên thị trường có lúc điện, vàng, xi măng, sắt thép, gạo,... cung nhỏ hơn cầu, Nhà nước có thể mua của nước ngoài các loại hàng hoá trên và bán ra thị trường nhằm lập lại sự cân đối giữa cung - cầu ổn định giá cả.</p> <p>Ví dụ : Để ổn định đời sống của nhân dân,</p>	<p>lý vi phạm pháp luật, sử dụng lực lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.</p> <p>- Khi cung > cầu quá nhiều, có biện pháp kích cầu (tăng đầu tư, tăng lương...)</p> <p>+ Đối với người sản xuất kinh doanh: Nắm vững các trường hợp cung - cầu để ra quyết định</p> <p>- Thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi cung > cầu, giá cả < giá trị có thể bị thua lỗ.</p>

<p>phục vụ nhu cầu đi lại trước giá dầu thô liên tục tăng như Nhà nước ta vẫn phải thường xuyên bù giá, trợ cấp cho các chủ doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu để họ có thể bán xăng ở giá có thể chấp nhận được</p> <p>Ví dụ: Vào mùa hè nhu cầu sử dụng điện làm mát rất lớn vì thế sẽ gây ra tình trạng thiếu điện. Vì vậy các nhà sản xuất chuyển sang kinh doanh các loại bóng điện quạt tiêu tốn ít điện năng để đáp ứng nhu cầu của người dân vào mùa hè.</p> <p>Ví dụ : khi gà bị cúm thì nhu cầu về thịt gà giảm=>giá rẻ=>người chăn nuôi thu hẹp quy mô sx.</p>	<p>- Khi cung < cầu, giá cả > giá trị thì chuyển sang sản xuất kinh doanh.</p> <p>+ Đối với người tiêu dùng: Nắm vững các trường hợp cung - cầu để ra quyết định mua hay không mua.</p> <p>- Giảm mua các mặt hàng khi cung < cầu và giá cả cao.</p> <p>- Chuyển sang mua các mặt hàng khi cung > cầu và giá cả thấp.</p>
<p>Ví dụ : Sau đợt dịch tai xanh ở heo vừa qua khiến thịt heo rất khan hiếm vì thế mà thịt heo trên thị trường giá rất cao từ 65000 đến 75000 ngàn 1 ký, giá cả đắt khiến người dân chuyển sang mua cá, tôm, gà, đậu hũ...</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập :

1. Nhận biết :

a, Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Điền vào chỗ trống nội dung phù hợp:

Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì tương ứng với giá cả và xác định.

a. Khả năng

b. Thu nhập

c. Tiêu dùng

Câu 2: Mối quan hệ giữa số lượng cung với mức giá cả vận động theo:

a. Tỷ lệ nghịch

b. Tỷ lệ thuận

c. Bằng nhau

Câu 3: Quan hệ cung cầu mang tính:

a. Tồn tại và hoạt động khách quan

b. Độc lập với ý chí con người

c. Diễn ra thường xuyên trên thị trường

d. Các kiến trên đều đúng

Đáp án: 1. b

2. a

3. d

b. Tự luận : Cầu là gì ? Cung là gì ? Tại sao người bán và người mua lại quan tâm đến nhu cầu có khả năng thanh toán ?

- Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

- Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và

chi phí sản xuất xác định.

.....

1. Vận dụng cao : Khi nước ta là thành viên của Tổ chức thương mại Thế giới

WTO, theo em mối quan hệ cung cầu hàng hóa và việc làm sẽ diễn ra như thế nào ?

A. Thuận lợi.

B. Khó khăn.

C. Vừa thuận lợi vừa khó khăn.

Tại sao em chọn phương án đó ?

Phương án C, vì khi nước ta là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới

WTO thì hàng hóa sẽ nhiều hơn, đa dạng hơn nhưng sự cạnh tranh lại khốc liệt hơn.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

Trong cuộc sống, khi là người tiêu dùng, các em cần biết lúc nào nên mua hàng hóa tiêu dùng...

b. Nhận diện xung quanh

Thực trạng vào lúc thu hoạch chính vụ ngô, lúa...

c. GV định hướng HS

Khi cá nhân em hoặc gia đình em kinh doanh... ?

Khi em là người mua..... ?

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....
.....

KIỂM TRA VIẾT 1 TIẾT

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA:

- Hiểu được thế nào là sản xuất của cải vật chất? Vai trò của sản xuất của cải vật chất.
- Hiểu được khái niệm hàng hóa và các thuộc tính của hàng hóa.
- Nêu được khái niệm cạnh tranh. Trình bày mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Tự luận.**III. THIẾT LẬP MA TRẬN**

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
Chủ đề			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1. Công dân với sự phát triển kinh tế.	Hiểu được thế nào là sản xuất của cải vật chất	Vai trò của sản xuất của cải vật chất.			
Số câu	1/2	1/2			1
Số điểm	1.0	1.0			3.0
Tỉ lệ	10%	20%			30%
1. Hàng hóa- Tiền tệ - Thị trường.	Hiểu được khái niệm hàng hóa	Các thuộc tính của hàng hóa			
Số câu	1/2	1/2			1
Số điểm	1.0	1.0			3.0
Tỉ lệ	10%	20%			30%
3. Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.	Nêu được khái niệm cạnh tranh	Trình bày mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh.			

Số câu	1/2	1/2			1
Số điểm	1.0	3.0			4.0
Tỉ lệ	10%	30%			40%
Tổng số câu	1/2 + 1/2 +	1/2 + 1/2 + 1/2			3
Tổng số	1/2	7.0			10.0
điểm	3.0	70%			100%
Tỉ lệ	30%				

IV. ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1 (3,0 điểm): Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Vai trò của sản xuất của cải vật chất?

Câu 2 (3,0 điểm): Hàng hóa là gì? Phân tích 2 thuộc tính của hàng hóa?

Câu 3 (4,0 điểm): Cạnh tranh là gì? Trình bày mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh?

V. ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Tiêu chí	Nội dung	Điểm
Câu 1	1	* Khái niệm sản xuất của cải vật chất	1,0
		Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.	
	2	* Vai trò của sản xuất của cải vật chất - Là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người. - Quyết định mọi hoạt động của xã hội. - Lấy ví dụ minh họa	1.0

Tổng điểm 3,0

Câu 2:	1	* KN: Là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua - bán.	1.0
	2	<p>* Hai thuộc tính của hàng hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sử dụng của hàng hóa: là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó con người. - Giá trị của hàng hóa: <ul style="list-style-type: none"> + Được biểu hiện ra bên ngoài thông qua giá trị trao đổi của nó. + Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. 	1.0
		=> Hàng hóa là sự thống nhất của hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị, nhưng là sự thống nhất của hai mặt đối lập, thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm không thể trở thành hàng hóa.	

Tổng điểm 3,0

Câu 3	1	<p>Khái niệm cạnh tranh</p> <p>Là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.</p>	1.0
	2	<p>Mặt tích cực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học - kỹ thuật phát triển, năng suất lao động tăng lên. - Khai thác tối đa mọi nguồn lực. - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. <p>Mặt hạn chế của cạnh tranh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm cho môi trường, môi sinh mất cân bằng nghiêm 	<p>1.5</p> <p>1.5</p>

		trọng. - Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương. - Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.	
Tổng điểm 4,0			
Tổng câu:3			
Tổng điểm:10,0			

....HẾT.....

BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Học sinh nắm được khái niệm và tính tất yếu của CNH- HĐH.
- Học sinh nắm được tác dụng to lớn của CNH- HĐH ở nước ta.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Khích thích HS tìm hiểu về quá trình CNH- HĐH
- Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân biệt CNH – HĐH.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV định hướng cho HS một số hình ảnh, HS quan sát và xác định hoạt động nào là CNH và hoạt động nào là HĐH

Hình 1 Hình 2

- GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về hai hình ảnh trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

Từ hình ảnh các em đã được quan sát và thực tế trong đời sống hàng ngày hôm nay các em sẽ tìm hiểu thế nào là CNH – HĐH đất nước? Và tính tất yếu khách quan

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Thảo luận tìm hiểu khái niệm CNH – HĐH đất nước.

a) Mục tiêu:

HS nêu được thế nào là CNH – HĐH đất nước

- HS thấy được tác dụng to lớn của CNH – HĐH ở nước ta
- HS thấy được tính tất yếu nước ta phải tiến hành CNH – HĐH
- Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân biệt CNH – HĐH.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem đoạn phóng sự về quá trình CNH – HĐH và quan sát các hình ảnh trên máy chiếu <p>Sử dụng sức trâu bò Sử dụng máy móc</p> <p>Quá trình tự động hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi HS: Hãy phân biệt nhận xét gì về đoạn phóng sự trên? - Qua các hình ảnh trên hãy chỉ ra đâu là CNH, HĐH? 	<p>1. KN CNH- HĐH, tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH- HĐH đất nước.</p> <p>a. Khái niệm CNH- HĐH.</p> <p>CNH: là chuyển từ hoạt động sản xuất thủ công là chính sang sử dụng phổ biến SLĐ dựa trên sự phát triển của CN cơ khí.</p> <p>HĐH: là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu KHCN vào quá trình SXKD và quản lí KTXH.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm CNH- HĐH là <p>Quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động KT và quản lí KT – XH từ sử dụng sức LĐ thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức LĐ cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng xuất LĐ xã hội cao.</p>

<p>- HS thảo luận về phóng sự trên và hình ảnh mà GV đã nêu trên</p> <p>- GV nêu câu hỏi tiếp theo để thảo luận: Thế nào là CNH, HĐH ? CNH – HĐH là gì?</p> <p>- GV định hướng cho học sinh:</p> <p>+ Đoạn phóng sự trên là quá trình mà người dân từ chỗ đã sử dụng sức trâu bò nay đã sử dụng máy móc và đặc biệt là người máy làm việc...</p> <p>+ Mục đích của việc này là để đưa năng xuất lao động tăng cao</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	
--	--

Hoạt động 2: GV sử dụng phương pháp trực quan, diễn giảng, nêu và giải quyết vấn đề tìm hiểu tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

a) Mục tiêu:

- HS thấy được tác dụng to lớn của CNH – HĐH ở nước ta
- HS thấy được tính tất yếu nước ta phải tiến hành CNH – HĐH
- Rèn luyện kỹ năng tư duy, liên hệ thực tiễn để tìm hiểu tính tất yếu khách quan của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
-------------------------------	-------------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV cho học sinh đọc một số thông tin về sự phát triển KT của các nước</p> <p>Ví dụ nền kinh tế nhật bản</p> <p>Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng nhanh hơn dự kiến</p> <p>09- 06- 2017 08:07</p> <p>Kinhtedothi - Theo Bloomberg, số liệu được Văn phòng Nội các Nhật Bản công bố hôm nay (8/6) cho thấy, nền kinh tế Nhật Bản trong quý I đã tăng trưởng 3,9%, cao hơn nhiều so với dự báo 2,4% đưa ra trước đó.</p> <p>Nhu cầu đầu tư của DN và chi tiêu của người dân tăng đã trở thành động lực cho nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới. Đặc biệt, việc đồng Yên liên tục giảm giá trong thời gian qua nhưng lại giúp hàng hóa Nhật tăng sức cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu trên thế giới...</p>	<p>b. Tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH- HĐH đất nước.</p> <p>- Tính tất yếu khách quan của CNH- HĐH</p> <p>+ Do yêu cầu phải xây dựng CSVC, KT của CNXH.</p> <p>+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế kĩ thuật giữa nước ta với các nước</p> <p>+ Do yêu cầu phải tạo ra NSLĐ XH cao đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội.</p> <p>- Tác dụng của CNH- HĐH.</p> <p>+ Tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng và phát triển KTXH</p>
<p>- GV cho HS tìm hiểu thêm về nền kinh tế các nước tiên tiến..</p> <p>- HS so sánh nhận xét về nền KT một số nước</p> <p>- GV đặt câu hỏi vậy tại sao nước ta phải tiến hành CNH – HĐH</p> <p>- GV hỏi tiếp vậy tác dụng của CNH – HĐ</p> <p>- GV kết luận nội dung về tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH – HĐH đất nước</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>+ củng cố QHSX XHCN, tăng cường vai trò của Nhà nước</p> <p>+ Tạo tiền đề phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>+ Xây dựng kinh tế tự chủ và chủ động HNQT, tăng cường tiềm lực ANQP.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để học sinh củng cố những gì đã biết về khái niệm, tác dụng của CNH – HĐH đất nước.
- Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cho hs.

b) Nội dung: GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 1, SGK Trang 55

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

- Học sinh vận dụng những thành tựu CNH – HĐH vào trong học tập và trong đời sống
- GV hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ bản của tiết học
- Những tiền đề để tiến hành CNH- HĐH trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

+ Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả

+ Nguồn nhân lực

+ Tiềm lực khoa học kỹ thuật

+ Quan hệ kinh tế đất nước

+ Sự lãnh đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....

.....

BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

(Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Học sinh nắm được nội dung cơ bản của CNH- HĐH ở nước ta.
- Học sinh nắm được trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH- HĐH

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Khích thích HS tìm hiểu về nội dung của CNH- HĐH.
- Rèn luyện kỹ năng tư duy CNH – HĐH.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

GV sử dụng phương pháp thuyết trình để vào bài.

Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu xong khái niệm, tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuần này, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta và trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, qua mục 2, 3 của bài 6

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp trực quan tìm hiểu khái niệm CNH – HĐH đất nước.

a) Mục tiêu:

- HS hiểu được nội dung của CNH – HĐH đất nước
- Rèn luyện kỹ năng tư duy để tìm hiểu nội dung của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh xem sơ đồ khái quát, bảng 3, SGK, tr. 84: - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung cơ bản gì? - Cho học sinh xem sơ đồ khái quát, bảng 3, SGK, tr. 84: - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung cơ bản gì? - Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất được thể hiện thông qua những việc làm nào? - Nhận xét, chốt lại. - Lần lượt cho học sinh xem các sơ đồ sau: 	<p>1. Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta</p> <p>a. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất xã hội. - Áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế. - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. <p>b. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển dịch, phát triển từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu
---	---

+ Sơ đồ 1: Cơ cấu kinh tế:	kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.
+ Sơ đồ 2: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế:	- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.
+ Sơ đồ 3: Tỷ trọng phát triển cơ cấu ngành kinh tế trong GDP:	c. Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tiến tới xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân
+ Sơ đồ 4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trong tổng lao động xã hội:	(Không học).
- Thế nào là cơ cấu kinh tế biến đổi theo hướng tiến bộ ?	
- Ví dụ: Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng ở nước ta đã và đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa:	

<p>+ Năm 2005:</p> <p>. Cơ cấu ngành: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP là 41%. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản là 20.9%. Tỷ trọng dịch vụ là 38.1%.</p> <p>. Cơ cấu lao động: tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội: 17.9%. Lao động trong các ngành dịch vụ: 25.3%. Lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: 56.8%.</p> <p>+ Dự báo năm 2010, cơ cấu ngành trong GDP (tổng sản phẩm trong nước) sẽ là: nông nghiệp 15- 16%; công nghiệp và xây dựng 43- 44%; dịch vụ 40- 41</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	
--	--

Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải, phân tích trình bày trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

a) Mục tiêu:

- HS trình bày trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH – HĐH ở nước ta.
- Rèn luyện kỹ năng tư duy, liên hệ thực tiễn để tìm hiểu trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
-------------------------------	-------------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu mục 3 - GV nêu câu hỏi - Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước? - Nhận xét, chốt lại nội dung bài học. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>3. Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức đúng đắn về tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - Lựa chọn ngành, mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường. - Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất. - Học tập, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - công nghệ hiện đại.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 2,3 SGK Trang 55

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

- Học sinh vận dụng những thành tựu CNH – HĐH vào trong học tập và trong đời sống
- GV hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ bản của tiết học
- Những tiền đề để tiến hành CNH- HĐH trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.
- + Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả
- + Nguồn nhân lực
- + Tiềm lực khoa học kĩ thuật
- + Quan hệ kinh tế đất nước
- + Sự lãnh đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

Bài 7: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được thế nào là thành phần kinh tế.
- Nêu được sự cần thiết khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.
- Biết được đặc điểm cơ bản của các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

* Tài liệu:

- Tài liệu chính thức: SGK, SGVGiáo dục công dân 11. Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn GD&DC

- Tài liệu tham khảo khác:

+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

* Phương tiện:

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ (Sơ đồ về các thành phần kinh tế), biểu bảng,...

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GD&DC lớp 11
- Sách bài tập GD&DC 11
- Sơ đồ, biểu đồ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung gì?
- Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

Sau hơn 20 năm đổi mới (1986 đến nay), nước ta đã có một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước.

Tình hình cung – cầu hàng hóa hiện nay nhiều, phong phú và đời sống nhân dân cao hơn so với thời kỳ trước năm 1986. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi đó? Phải chăng do nước ta đã chuyển đổi mô hình kinh tế cũ sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy nền kinh tế nhiều thành phần làm cơ sở kinh tế.

Vậy, thành phần kinh tế là gì? Tại sao trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta lại phải thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần?... Để trả lời cho những câu hỏi đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài 7: Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước (2 tiết).

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần.

a) Mục tiêu:

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho ví dụ về một thành phần kinh tế như kinh tế hộ gia đình và hỏi thành phần kinh tế là gì? - Tại sao nói sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta là một tất yếu khách quan? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần</p> <p>a) Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thành phần kinh tế : Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất. - Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta : + Do trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nước ta vẫn tồn tại một số thành
<p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>phần kinh tế của xã hội trước đây; đồng thời xuất hiện thêm những thành phần kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa.</p> <p>+ Vì ở nước ta, lực lượng sản xuất phát triển còn thấp và ở nhiều trình độ khác nhau nên có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất.</p>

Hoạt động 2: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay

a) Mục tiêu:

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi – đáp, trực quan, sơ đồ. - Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân. 	<p>b. Các thành phần kinh tế ở nước ta</p> <p>* Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế như thế nào ?</p> <p>- Nội dung của kinh tế nhà nước : bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia, các quỹ bảo hiểm nhà nước, các tài sản thuộc sở hữu nhà nước có thể đưa vào sản xuất kinh doanh, gồm cả những phần vốn của nhà nước đóng góp vào các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Nội dung của nó mạnh</p>
<p>* Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế như thế nào ?</p> <p>* Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế như thế nào ?</p> <p>* Kinh tế tư nhân là gì ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>hơn, rộng hơn bộ phận doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>- Vai trò : giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ các vị trí, các lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế ; là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển.</p> <p>- Xu hướng vận động : trong những năm tới, kinh tế nhà nước tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực : kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích, đẩy mạnh và mở rộng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Chuyển một số công ty nhà nước thành tập đoàn kinh tế hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, có sự tham gia cổ phần của tư nhân trong nước và các nhà đầu tư</p>

	<p>nước ngoài, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.</p> <p>* Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế như thế nào ?</p>
	<p>- Nội dung : bao gồm những hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt.</p> <p>- Vai trò : kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.</p> <p>- Xu hướng vận động : tiếp tục tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng, từ thấp lên cao : tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới, liên hiệp hợp tác xã cổ phần.</p> <p>* Kinh tế tư nhân là gì ?</p> <p>- Nội dung : bao gồm kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân.</p> <p>- Vai trò : có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.</p> <p>- Xu hướng vận động : hiện nay, phần lớn hoạt động dưới hình thức hộ gia đình đối với thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và đang có tiềm năng to lớn, vị trí quan trọng lâu dài. Còn đối với thành phần kinh tế tư bản tư nhân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tồn tại dưới các hình thức : doanh nghiệp tư bản tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung:

1/ Tại sao hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất lại là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế?

2/ Tại sao trong 5 thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước lại giữ vai trò chủ đạo?

1/ Tại sao hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất lại là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế?

2/ Để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay, để nó phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo quỹ đạo XHCN, chống lại xu hướng tự phát TBCN.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

+ Tại sao Nhà nước lại phải quản lý kinh tế? (Nhóm 1)

+ Nội dung vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước? Tại sao Nhà nước lại có vai trò đó? (Nhóm 2,3)

+ Làm thế nào để tăng cường vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước? (Nhóm 4)

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....
.....

BÀI 7: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN

VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Vì sao nói thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần là tất yếu khách quan?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

Tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu tiết 1 của bài 7 (Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước) đã nắm vững được một số nội dung như : Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta . Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu phần còn lại của bài

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay (Tiếp theo)

a) Mục tiêu:

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế tư bản nhà nước là gì ? - Nội dung : bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và nước ngoài. - Vai trò : thành phần kinh tế này có vai trò rất quan trọng, là cầu nối để đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. 	<p>b. Các thành phần kinh tế ở nước ta</p> <p>+ Kinh tế cá thể, tiểu chủ: dựa trên hình thức sở hữu nhỏ về TLSX và lao động của bản thân người lao động</p> <p>- Kinh tế tư bản nhà nước: là thành phần kinh tế dựa</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Xu hướng vận động : hiện nay, thành phần kinh tế này đang có nhiều tiềm năng phát triển. - Hiểu như thế nào là đúng về thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ? - Nội dung : có quy mô vốn lớn, có trình độ quản lý hiện đại và trình độ công nghệ cao, đa dạng về đối tác. - Vai trò : góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta tăng trưởng và phát triển. - Xu hướng phát triển : phát triển theo hướng sản xuất kinh doanh để xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm việc làm. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>trên hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước hoặc nước ngoài.</p> <p>- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu vốn của nước ngoài.</p> <p>=> Nhà nước chủ trương phát triển các thành phần kinh tế để thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, tạo nhiều việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.</p>
---	---

Hoạt động 2: Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần.

a) Mục tiêu:

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
-------------------------------	-------------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh xem sơ đồ trách nhiệm của công dân (bảng 1, SGK, tr. 94) và giảng giải. Từ sơ đồ, GV đặt câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Mỗi công dân có trách nhiệm như thế nào đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>c. Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tin tưởng và chấp hành tốt chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. - Tham gia lao động sản xuất ở gia đình; vận động người thân tham gia đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. - Tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành, nghề và mặt hàng mà pháp luật không cấm. - Chủ động tìm kiếm việc làm trong các thành phần kinh tế.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung:

Câu hỏi 1 (Bài 7, SGK, tr.65): Thành phần kinh tế nhà nước khác với thành phần

kinh tế tư bản nhà nước về:

- Hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất
- Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất
- Quan hệ trong phân phối sản phẩm
- Tất cả các phương án trên

Câu hỏi 2 (Bài 8, SGK, tr.65): Theo em, với sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, vấn đề tìm kiếm việc làm có gì khác so với trước đây khi nền kinh tế nước ta còn tình trạng bao cấp?

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

1/ d

2/ Trong nền kinh tế nhiều thành phần, việc tìm kiếm việc làm có nhiều cơ hội. Chúng ta có thể tham gia bất cứ thành phần kinh tế nào để có thu nhập chính đáng

cho mình, cho gia đình và xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

Các em về nhà học bài 7 (tiết 2), và tìm hiểu (qua sách tham khảo, mạng internet...)

một số nội dung liên quan đến bài ngoại khóa tìm hiểu về tác hại của các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp:

- + Ma túy là gì? Đặc điểm chung của ma túy?
- + Các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp.
- + Những tác hại chung của ma túy.
- + Tình hình lạm dụng ma túy, các chất gây nghiện và tội phạm ma túy ở nước ta./.

.....

.....

PHẦN HAI: CÔNG DÂN VỚI CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Hiểu được CNXH là giai đoạn đầu của xã hội CSCN.
- Nêu được sự những đặc trưng cơ bản của CNXH ở nước ta.
- Nêu được tính tất yếu khách quan đi lên chủ nghĩa xã hội và đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

* Tài liệu:

- Tài liệu chính thức: SGK, SGV Giáo dục công dân 11. Chuẩn kiến thức, kĩ năng môn GD CD

- Tài liệu tham khảo khác:

+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

* Phương tiện:

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ (Sơ đồ về các thành phần kinh tế), biểu bảng,...

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GD CD lớp 11
- Sách bài tập GD CD 11
- Sơ đồ, biểu đồ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Nêu trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện các thành phần kinh tế?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

CNXH là mục tiêu cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang ra sức phấn đấu xây dựng. Hiện nay chúng ta đang trong thời kì quá độ lên CNXH. Vậy CNXH là gì? Thế nào là thời kì quá độ lên CNXH? CNXH có những đặc trưng cơ bản nào? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: CNXH và những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam

a) Mục tiêu:

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV đặt câu hỏi</p> <p>- GV: Bằng kiến thức đã học, em hãy cho biết lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua những chế độ xã hội nào?</p> <p>* Em có nhận xét gì về trình độ phát triển của xã hội sau so với xã hội trước? Nêu VD thực tiễn để minh họa?</p> <p>* Theo em yếu tố nào đóng vai trò quyết định sự thay đổi chế độ xã hội này bằng chế độ xã hội khác tiến bộ hơn? Nêu VD thực tiễn để minh họa?</p> <p>* Theo quan điểm của CN Mac - Lê Nin, XHCSCN phát triển qua những giai đoạn nào?</p> <p>* Hai giai đoạn phát triển của xã hội CSCN có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó?</p> <p>(+ Khác nhau ở cách thức phân phối sản phẩm.</p> <p>- GV giải thích: "Làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có nghĩa là: Người làm nhiều hưởng</p>	<p>1. CNXH và những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam</p> <p>a) CNXH là giai đoạn đầu của xã hội CSCN</p> <p>Lịch sử phát triển của xã hội loài người trải qua 5 chế độ xã hội từ thấp đến cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã hội Cộng sản nguyên thủy - Xã hội Chiếm hữu nô lệ. - Xã hội Phong kiến. - Xã hội TBCN. - Xã hội CSCN. <p>- Các chế độ xã hội sau có trình độ phát triển cao hơn và</p>
--	--

<p>nhiều, người làm ít hưởng iats, người không làm không hưởng. Còn " làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" có nghĩa là: Làm ít, làm nhiều, không làm đều hưởng thụ như nhau.</p> <p>+ Có sự khác nhau là do trình độ phát triển KT đặc biệt là sự phát triển LLSX, mới chỉ đạt mức độ đảm bảo cho xh thực hiện n/tác phân phối “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”).</p> <p>- GV dẫn lời: Ngay từ khi ra , ĐCSVN khẳng định trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sau đó tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta đã tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi theo con đường XHCN. Vậy CNXH ở Việt Nam có những đặc trưng cơ bản gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<p>tiến bộ hơn so với các xã hội trước đó.</p> <p>- Yếu tố đóng vai trò quyết định sự thay đổi chế độ xh, đó là sự phát triển kinh tế, trong đó sự phát triển LLSX là yếu tố quyết định nhất.</p> <p>- Theo quan điểm của CN Mác - Lê nin CNCS phát triển qua hai giai đoạn từ thấp đến cao:</p> <p>+ Giai đoạn đầu (giai đoạn thấp- CNXH):</p> <p>+ Giai đoạn sau (giai đoạn cao- XH CSCN):</p> <p>- Hai giai đoạn phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa khác nhau ở cách thức phân phối sản phẩm. Ở CNXH là làm theo năng lực, hưởng theo lao động. Còn ở CNCS là làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.</p>
--	---

Hoạt động 2: Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam

a) Mục tiêu:

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> * Theo em mục tiêu xây dựng đất nước là gì? * XHCN mà nd ta xd do ai làm chủ? Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh hoạ? * XHCN mà nd ta xd có nền KT phát triển như thế nào? Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh hoạ? * XHCN mà nd ta xd có nền VH như thế nào? Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh hoạ? * XHCN mà nd ta xd cuộc sống con người sẽ như thế nào? * XHCN mà nd ta xd , các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam sống và quan hệ với nhau như thế nào? * XHCN mà nd ta xd có nhà nước như thế nào? * XHCN mà nd ta xd có quan hệ với nhân dân các nước trên thế giới như thế nào? * Từ những đặc trưng trên, em có nhận xét gì về bản chất của CNXH? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>b) Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một xh dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. - Do nhân dân làm chủ. - Có nền KT phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại và qh sx phù hợp với trình độ phát triển của LLSX - Có nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Con người được giải phóng khỏi áp bức , bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện. - Các dt trong cộng đồng VN bình đẳng, đk, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. - Có nhà nước pháp quyền XHCN của nd, do nd, vì nd dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nd các nước trên thế giới. - GVKL: CNXH mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội phát triển, tốt đẹp hơn các xã hội trước đó.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung: CNXH là giai đoạn đầu của CNCS; Những đặc trưng cơ bản của CNXH.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.

- Đọc trước tiết 2 - Bài 8

.....

.....

Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân

ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ...

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh

tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Nêu những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt

Nam?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt

động hình thành kiến thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Quá độ lên CNXH ở nước ta

a) Mục tiêu:

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu tìm hiểu nội dung mục 1.</p> <p>- GVDL: Bàn về CNXH, Mác - Lê Nin đã khẳng định: " Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên CNXH. Đó là điều không thể tránh khỏi và đều phải trải qua một thời kì quá độ, thời kì quá độ lên CNXH".</p> <p>- GV: Em hãy cho biết có mấy hình thức quá độ đi lên CNXH?</p> <p>- GV nêu 2 ht quá độ.</p> <p>- GV: * Theo em, sau khi hoàn thành CM DTDCND đất nước thống nhất thì ở nước ta đã có CNXH chưa? Tại sao?</p> <p>(Vi: + Chưa có nền đại công nghiệp – cơ sở vơ – kt của CNXH.</p> <p>+ Chế độ công hữu về TLSX chủ yếu giữ vai trò chủ đạo trong nền KT quốc dân cũng phải qua một quá trình cải tạo và xd mới có được.)</p> <p>* Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và không còn bị bóc lột, chúng ta phải xd chế độ xh nào? Tại sao?</p>	<p>1. Quá độ lên CNXH ở nước ta</p> <p>a) Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH ở Việt Nam</p> <p>* Hai hình thức quá độ đi lên CNXH là:</p> <p>- Một là: Quá độ trực tiếp từ CNTB lên CNXH.</p> <p>- Hai là: Quá độ gián tiếp từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ TBCN.</p> <p>- Khi đất nước thống nhất thì ở nước ta chưa có CNXH với đầy đủ và hoàn chỉnh những đặc trưng của nó.</p> <p>- Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và không còn bị bóc lột, chúng ta phải xd chế độ xh XHCN.</p> <p>Vi:</p>

<p>* Tại sao nói, nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta?</p> <p>- Bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua việc thiết lập vị trí thống trị của QHSX và KTTT TBCN (bỏ qua những mặt tiêu cực), nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN (về KH và CN, để phát triển nhanh LLSX, xd nền KT hiện đại).</p> <p>- GVDL: Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta là sự tồn tại đan xen lẫn nhau giữa những yếu tố của xã hội mới- XHXHCN đang được xây dựng và những tàn dư của xã hội cũ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.</p> <p>GV: * Trong th/kì quá độ ở nước ta có tồn tại cái cũ, cái lạc hậu không? Cho vd minh hoạ?</p> <p>(VD: Những tàn dư, tư tưởng của xh PK, như những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan...đan xen với nhân tố của xh mới đang xây dựng)</p> <p>* Theo em, nền KT nước ta hiện nay có đặc điểm gì? Cho vd minh hoạ?</p> <p>* Trong lĩnh vực tư tưởng, VH có còn tồn tại những tư tưởng, VH lạc hậu không? Cho vd minh hoạ?</p>	<p>+ Chỉ có đi lên CNXH thì đất nước mới thực sự độc lập.</p> <p>+ Chỉ có CNXH mới xoá bỏ tận gốc cơ sở sinh ra bóc lột (chế độ tư hữu về TLSX).</p> <p>+ Giải phóng người lđ khỏi áp bức, bóc lột, đưa họ từ người nô lệ trở thành người làm chủ xh; mới đem lại cuộc sông ấm no, tự do và hạnh phúc; mọi người có điều kiện phát triển toàn diện.</p> <p>=> Như vậy tất yếu đi lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta là xu thế phát triển tất yếu của thời đại.</p>
<p>* Trong XH có còn tồn tại nhiều g/c, tầng lớp không? Tại sao như vậy? Q/hệ giữa các g/c thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác	
--	--

hóa

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

b) Nội dung:

c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

Câu 1: Em hãy liên hệ thực tiễn, nêu mặt tích cực và hạn chế trong xã hội ta hiện nay?

* Mặt tích cực:

- Nước ta có một Đảng duy nhất lãnh đạo.
- Nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- Có truyền thống yêu nước...

* Mặt hạn chế:

- Tham ô, tham nhũng còn nhiều.
- Tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

Câu 2: Em hãy nêu một vài biểu hiện về tàn dư của xã hội cũ cần phải đấu tranh mà em biết?

- Mê tín, dị đoan.
- Sinh nhiều con (cần con trai)
- Tham ô, tham nhũng
- Tệ nạn xã hội

Câu 3: Nhà nước ta đã có những chính sách, chương trình nào chăm sóc cho người nghèo?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

b) Nội dung: GV nêu yêu cầu:

c) Sản phẩm: HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.....

.....

GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN TRONG

TRƯỜNG HỌC

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS:

- Ma túy là gì? Chất gây nghiện là gì?
- Nguyên nhân, tác hại của việc lạm dụng ma túy và cách phòng chống.
- Cơ chế cai nghiện.
- Các qui định của Nhà nước, của Bộ Giáo dục & Đào tạo trong công tác phòng chống ma túy và chất gây nghiện

2. Năng lực

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

* Tài liệu: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Viện chiến lược và chương trình giáo dục: Tài liệu tập huấn giáo dục phòng chống ma túy và chất gây nghiện trong trường học, Hà Nội, 8/2007.

2. Chuẩn bị của HS:

- Máy chiếu, giấy A4...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trình bày đặc điểm của thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Chuyên đề: TÁC HẠI CỦA CÁC CHẤT MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN

THƯỜNG GẶP

1. Ma túy là gì?

Ma túy là tên gọi chung chỉ những chất gây nghiện, chất hướng thần, là các chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên và nhân tạo khi xâm nhập cơ thể con người sẽ có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức, trí tuệ, chức năng sinh học của con người, có khả

năng gây nghiện, gây lệ thuộc về tâm lý và thể chất.

1. Đặc điểm chung của ma túy

Tất cả các ma túy đều gây nghiện, làm cho người nghiện bị lệ thuộc về tinh thần và thể chất, khi thiếu thuốc hoặc ngừng sử dụng sẽ có biểu hiện của hội chứng cai

nghiện, làm cơ thể có những phản ứng bất lợi, thậm chí có thể bị đe dọa đến tính mạng.

Tuy nhiên, có một số chất gây nghiện nhưng không bị coi là ma túy như: rượu, bia, thuốc lá, thuốc Lào, cà phê, chè (trà), coca cola...

3. Các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp

a. Các chất ma túy thường gặp

* Các chất tâm túy gây kích thích

Ở nhóm chất này, có nhiều chất ma túy thường gặp như: Cocain, Amphetamin và các chất dẫn xuất, Methamphetamin, Ecstasy, Cây khát (Catha). Trong đó, về tác hại, đáng lưu ý nhất là các chất sau:

- **Cocain:** được chiết xuất từ lá cây coca, được trồng nhiều ở Nam Mỹ. Việc dùng cocain nguyên chất cực kỳ tai hại. Nó tác động tới não trong vòng 15 giây, làm rối loạn các tín hiệu điện của não, từ đó sinh ra trạng thái hoang tưởng, kích thích, hưng phấn mạnh.

Người nghiện cocain bị di chứng rối loạn chức năng của cơ quan thần kinh, tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, dễ gây ảo giác, chóng mặt, liệt hô hấp và có thể dẫn đến tử vong.

- **Methamphetamin** (dimethylphenethylamin hay còn được gọi tắt là Meth, Speed)

được tổng hợp từ amphetamin, mạnh hơn amphetamin và gấp 500 lần so với thuốc phiện, có khả năng gây nghiện mạnh và tác động nhanh đến hệ thần kinh. Tác hại khi sử dụng: người sử dụng dễ bị kích động gây tội ác tức thì, đồng thời làm não thiếu tập trung và “đần” hẳn đi. Vài tháng sau, người nghiện bị sụt cân và có nhu cầu tăng liều dùng, lúc đó nó trở thành tác nhân kích thích người nghiện đi đến hành vi bạo lực vô cùng man rợ. Sử dụng lâu ngày thì tính mạng sẽ bị đe dọa, dễ hôn mê, chết đột tử.

- **Ecstasy (XTZ)** cũng là loại gây nghiện cực mạnh, đang được sử dụng phổ biến.

- **Cây khát (CATHA)** là chất kích thích thần kinh cực mạnh. Lá khát thường được sử dụng tươi bằng cách nhai sống. Những người nghiện nhai lá khát dễ không làm chủ được bản thân, hành động quá khích, thậm chí điên cuồng.

*** Chất ma túy gây ảo giác**

Cần sa: (thường gọi là bồ đề, còn gọi là cây gai dầu, cây lanh mèo, cây gai mèo, cây đại ma...). Sản phẩm bất hợp pháp từ cây cần sa gồm 3 loại: thảo mộc cần sa, nhựa cần sa và tinh dầu cần sa. Tác hại: gây kích thích, hoảng hốt, ảo giác, xơ gan, liệt dương, vô sinh, sinh non.

*** Các chất ma túy gây ức chế thần kinh**

- **Thuốc phiện:** (còn gọi là cây anh túc, cây thầu, cây á phiện, nha phiến, opium, ả phù dung), có 3 dạng: thuốc phiện sống, thuốc phiện chín và sái thuốc phiện. Tác hại khi sử dụng: người sử dụng thuốc phiện dễ mắc bệnh truyền nhiễm, viêm tắc tĩnh mạch, dễ dẫn đến tàn tật, tử vong.

- **Morphine:** là hóa chất tự nhiên, được chiết xuất từ nhựa thuốc phiện, là hoạt chất chính của thuốc phiện, thực chất là một loại thuốc trị bệnh, có tác dụng làm giảm đau hoặc mất cảm giác đau khi bị chấn thương, sau khi phẫu thuật, hoặc ung thư ở giai đoạn cuối, nhưng khi lạm dụng thì trở thành ma túy. Tác hại của morphine: gây rối loạn tâm thần, ức chế hô hấp, dễ suy tim trực mạch, mất tri giác, hạ huyết áp, mất ngủ... Phụ nữ có thai sử dụng morphine thường đẻ non, trẻ sơ sinh bị suy dinh dưỡng, rối loạn hành vi, mất ngủ, nôn mửa, tiêu chảy.

- **Heroin:** (còn gọi là bạch phiến, hàng trắng, xì ke) được tổng hợp từ morphine, có dạng bột hoặc cục, giá heroin đắt gấp hàng trăm lần so với giá thuốc phiện.

Tác hại:

độc tính gấp 10 lần thuốc phiện, dễ gây ra ngộ độc, đột tử, rối loạn tâm thần, hủy hoại thân thể...

- **Barbiturat và các thuốc an thần** (các chất ức chế hệ thần kinh): **Barbiturat** là nhóm chất an thần chống co giật. Tác hại: người nghiện dễ bị mất trí nhớ, nói

ngộ, ảo giác, tổn thương hệ tuần hoàn, có khi bị ngộ độc và tử vong (khi sử dụng liều cao).

Các loại thuốc an thần là thuốc trị bệnh, nhưng khi lạm dụng thì trở thành ma túy.

- **Dolargan** (còn có tên là Phetidin) là chất bột màu trắng thuộc vào nhóm các chất ức chế hệ thần kinh, làm giảm đau, gây nghiện. Tác hại: khi đã nghiện, nếu đổi thuốc cũng gây bồn chồn, đổ mồ hôi, chuột rút, nôn mửa, mất ngủ, đau đớn.

- **Seduxen:** là một loại dược phẩm tổng hợp, thuộc nhóm chất ức chế hệ thần kinh, là thuốc an thần gây ngủ. Thuốc này được kiểm soát chặt chẽ, chỉ được sử dụng khi mất ngủ và phải có sự hướng dẫn của thầy thuốc. Tác hại: nếu sử dụng thường xuyên, lâu dài sẽ gây quen thuốc, ảnh hưởng xấu đến tim, gan, thận và rối loạn thần kinh, sử dụng liều cao có thể gây tử vong.

b. Các chất gây nghiện thường gặp

- **Caphêin:** là một chất kích thích, làm tăng tốc việc tạo các xung lực thần kinh bằng cách tăng cường hoạt động của bộ não. Với dạng tinh khiết nhất, caphêin chứa các tinh thể có tạo vị đắng và được tìm thấy trong rất nhiều chất thông thường như: cà phê, trà, bột ca cao, sôcôla. Tác hại: với liều lượng lớn (trung bình khoảng 8 cốc cà phê hay 600 mg caphêin), caphêin có thể làm đau đầu, bồn chồn, lo sợ và thậm chí mê sảng. Với liều lượng rất lớn (từ 10.000 mg caphêin trở lên, tương đương với 100 - 200 cốc trà hoặc cà phê), caphêin có thể làm tăng đường trong máu và axit trong nước tiểu. Việc sử dụng thường xuyên caphêin với 600 mg một ngày (hoặc 8 cốc cà phê uống liền) có thể gây ra chứng mất ngủ mãn tính, sự lo lắng thường xuyên, trầm cảm và tình trạng rối loạn tiêu hóa, có thể làm cho tim yếu đi và tăng nguy cơ gây ung thư.

- **Nicotin:** là hoạt chất của cây thuốc lá, là chất gây nghiện có nguồn gốc tự nhiên.

Chất này kích thích hệ thần kinh, tuy không bị coi là ma túy nhưng khi nghiện sẽ dễ bị ung thư phổi và viêm phế quản, đau dạ dày, nhàn da, trụy tim... Nếu đã nghiện thì dễ dàng dẫn tới nghiện ma túy, trẻ em không được phép sử dụng.

4. Những tác hại chung của ma túy

a. Tác hại đối với cá nhân người nghiện

- Ảnh hưởng đến sức khỏe:

+ Dưới cái nhìn của y học, nghiện ma túy là một căn bệnh.

+ Những người nghiện ma túy thường bị rối loạn sinh lý (tiêu hóa, thần kinh, tuần hoàn, hô hấp...).

+ Những người nghiện ma túy thường bị bệnh tim mạch, huyết áp; dễ mắc bệnh gan và bệnh thận; thường mắc các bệnh thần kinh; bệnh mất trí nhớ.

+ Người nghiện ma túy hướng thần gây ảo giác có gốc amphetamines (đang được gọi là hồng phiến hay ma túy điên) ngoài việc đột tử do quá liều còn thường bị mục răng.

+ Những người nghiện ma túy có thể bị tai biến do tiêm chích, thường mắc bệnh HIV/AIDS. Phần lớn những người bệnh AIDS, khoảng gần 70%, theo điều tra nghiên cứu gần đây, là những người nghiện hút và chích ma túy. Tuy nhiên, ở nhiều tỉnh của nước ta, có khoảng 80 - 90% người nhiễm HIV là người nghiện chích ma túy.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, hết tháng 6/2008, Việt Nam có 129.722 người nhiễm HIV, 26.840 bệnh nhân AIDS và 39.664 bệnh nhân tử vong do AIDS. Ước tính và dự báo nhiễm HIV/AIDS đến năm 2010 là 311.500 người, tỷ lệ AIDS là 111.227 người, chết vì AIDS lên đến 104.710 người.

+ Người nghiện ma túy thường mắc các bệnh kèm theo như ghê lở, hắc lao...

- Ảnh hưởng tới tâm lý: tinh thần luôn căng thẳng, ý chí, nghị lực bị thui chột.

- Ảnh hưởng tới nhân cách và đạo đức của người nghiện: làm giảm sút nhân cách, suy thoái về đạo đức cá nhân.

b. Ma túy ảnh hưởng tới gia đình

Tệ nạn nghiện ma túy đã làm tan vỡ hạnh phúc của hàng vạn gia đình.

c. Ma túy ảnh hưởng tới xã hội

- Ảnh hưởng xấu tới trật tự, an ninh xã hội: làm cho trật tự an toàn xã hội bị đe dọa, làm phát sinh các tệ nạn như buôn lậu, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp, cướp giết, tai nạn giao thông...; là một trong những nguyên nhân lan truyền HIV/AIDS.

- Ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của xã hội:

+ Tuổi nghiện thường bắt đầu từ độ tuổi tươi đẹp nhất làm được nhiều việc nhất (15 - 35 tuổi), mất lực lượng lao động chính cho xã hội, hàng vạn người nghiện sống bám vào xã hội.

+ Tệ nạn nghiện ma túy gây thiệt hại lớn về kinh tế cho đất nước. Với trên 100.000 người nghiện hàng ngày dùng nhiều loại chất ma túy khác nhau có loại như heroin:

100.000đồng/liều, có loại 30.000 đồng đến 70.000 đồng/liều, có người nghiện phải dùng 3 lần 1 ngày, mỗi năm số người nghiện sẽ tiêu phí hết trên 1. 000 tỷ đồng.

Ngân sách dành cho việc nuôi dưỡng chữa trị rất lớn. Ví dụ: Ở thành phố Hồ Chí Minh, thống kê 4 năm (2004 đến 2007): tổng số người nghiện: 37.000 người, tổng số trung tâm: 17 (31.000 người), chi ngân sách: 1800 tỷ đồng. 1800 tỷ/ 31.000 người $\approx$ 60 triệu đồng/ người.

5. Tình hình lạm dụng ma túy, các chất gây nghiện và tội phạm ma túy ở nước ta

Tình hình nghiện ma túy tính đến hết ngày 30/6/2008 cả nước có 169.000 người nghiện có hồ sơ quản lý, giảm 8.975 người so với cuối năm 2007. Tội phạm ma túy cũng rất phức tạp. Mặc dù các lực lượng chức năng đã đấu tranh, tấn công quyết liệt nhưng tại các tuyến, địa bàn trọng điểm, hoạt động mua bán, vận chuyển ma túy từ bên ngoài vào nước ta vẫn rất đáng lo ngại. Đặc biệt là tại các địa bàn thuộc các tuyến Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc miền Trung, Tây Nam Bộ và trên tuyến biển. Phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, xảo quyệt và sử dụng vũ khí chống đối quyết liệt hơn. Hiện có 35/64 tỉnh, thành phố có tình trạng trồng và tái trồng cây thuốc phiện, cây cần sa. Một số nơi có diễn biến phức tạp như Lạng Sơn đã phát hiện và triệt phá trên 35.000 m², tại Lai Châu diện tích này là 19.300 m¹.

.....
.....
.....

Tiết 17: ÔN TẬP HỌC KỲ I

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Giúp học sinh hệ thống hoá một số kiến thức cơ bản trong chương trình đã học.

2 Về kĩ năng

- Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống hàng ngày của bản thân mình.

3. Về thái độ

- Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. Chuẩn bị của GV:

- Đề kiểm tra

2. Chuẩn bị của HS:

- Giấy kiểm tra, bút viết.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ôn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Tiến trình bài học:

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi ôn tập phần trắc nghiệm và tự luận
- GV hướng dẫn học sinh ôn tập

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu dưới đây:

Câu 1: Quan niệm nào sau đây là đúng nhất về hàng hóa?

- Hàng hóa là sản phẩm của lao động
- Hàng hóa là vật phẩm do con người làm ra, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- Hàng hóa là tất cả những gì được đem ra trao đổi mua – bán trên thị trường
- Hàng hóa là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua – bán

Câu 2: Hàng hóa có hai thuộc tính là:

- Giá trị sử dụng và giá trị
- Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi

- c. Giá trị và giá trị trao đổi
- d. Giá trị cá biệt và giá trị xã hội

Câu 3: Giá trị sử dụng của hàng hóa là:

- a. Công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- b. Tính hữu ích của vật
- c. Thuộc tính tự nhiên của vật
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 4: Số lượng giá trị sử dụng của hàng hóa phụ thuộc vào các nhân tố nào?

- a. Những điều kiện tự nhiên
- b. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ
- c. Chuyên môn hóa sản xuất
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 5: Giá trị của hàng hóa là:

- a. Lao động cá biệt của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa đó
- b. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- c. Nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi
- d. Cả b và c đều đúng

Câu 6: Giá trị của hàng hóa được quyết định bởi:

- a. Sự khan hiếm của hàng hóa
- b. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa
- c. Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa
- d. Công dụng của hàng hóa

Câu 7: Lượng giá trị xã hội của hàng hóa được quyết định bởi:

- a. Hao phí vật tư kỹ thuật
- b. Hao phí lao động sống của người sản xuất hàng hóa
- c. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó
- d. Hao phí lao động cần thiết của người đã sản xuất ra hàng hóa đó

Câu 8: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa thay đổi:

- a. Tỷ lệ thuận với năng suất lao động
- b. Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động

- c. Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động, không phụ thuộc vào cường độ lao động
- d. Cả a và b đều đúng

Câu 9: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa thay đổi:

- a. Tỷ lệ nghịch với thời gian lao động xã hội cần thiết và năng suất lao động
- b. Tỷ lệ thuận với thời gian lao động xã hội cần thiết
- c. Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động
- d. Cả b và c đều đúng

Câu 10: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa:

- a. Tỷ lệ thuận với cường độ lao động
- b. Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động
- c. Không phụ thuộc vào cường độ lao động
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 11: Giá trị cá biệt của hàng hóa do:

- a. Hao phí lao động giản đơn trung bình quyết định
- b. Hao phí lao động của ngành quyết định
- c. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định
- d. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất nhiều hàng hóa quyết định

Câu 12: Giá cả của hàng hóa là:

- a. Sự thỏa thuận giữa người mua và người bán
- b. Sự biểu hiện bằng tiền của giá trị
- c. Số tiền người mua phải trả cho người bán
- d. Giá tiền đã in trên sản phẩm hoặc người bán quy định.

Câu 13: Yếu tố quyết định đến giá cả hàng hóa là:

- a. Giá trị của hàng hóa
- b. Quan hệ cung – cầu về hàng hóa
- c. Giá trị sử dụng của hàng hóa
- d. Một thời trang của hàng hóa

Câu 14: Hai hàng hóa trao đổi được với nhau vì:

- a. Chúng cùng là sản phẩm của lao động
- b. Có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng bằng nhau.

c. Có lượng hao phí vật tư kỹ thuật bằng nhau

d. Cả a và b đều đúng

Câu 15: Chọn các ý không đúng về sản phẩm và hàng hóa:

a. Mọi sản phẩm đều là hàng hóa

b. Mọi hàng hóa đều là sản phẩm

c. Mọi sản phẩm đều là kết quả của sản xuất

d. Không phải mọi sản phẩm đều là hàng hóa

Câu 16: Tiền tệ là gì?

a. Thước đo giá trị của hàng hóa

b. Phương tiện để lưu thông hàng hóa và để thanh toán

c. Là hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung

d. Là vàng, bạc

Câu 17: Bản chất của tiền tệ là gì ? Chọn các ý đúng :

a. Là hàng hóa đặc biệt, làm vật ngang giá cho các hàng hóa khác

b. Thể hiện lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa

c. Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa với nhau

d. Cả a, b, c đều đúng

Câu 18: Tiền tệ có mấy chức năng khi chưa có quan hệ kinh tế quốc tế?

a. Hai chức năng

b. Ba chức năng

c. Bốn chức năng

d. Năm chức năng

Câu 19: Tiền tệ có mấy chức năng?

a. Hai chức năng

b. Ba chức năng

c. Bốn chức năng

d. Năm chức năng

Câu 20: Hậu quả khi lạm phát xảy ra là:

a. Giá cả của hàng hóa tăng, sức mua của tiền giảm

b. Đời sống của nhân dân lao động gặp khó khăn

c. Các công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước kém hiệu lực

d. Tất cả đều đúng

Câu 21: Nhân tố cơ bản của thị trường là:

a. Hàng hóa

b. Tiền tệ

c. Người mua, người bán

d. Bao gồm tất cả các nhân tố trên

Câu 22: Sản xuất và lưu thông hàng hóa chịu sự chi phối của những quy luật

kinh tế nào?

a. Quy luật giá trị

b. Quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu

c. Quy luật lưu thông tiền tệ

d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 23: Quy luật giá trị có yêu cầu gì?

a. Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết

b. Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá

c. Hao phí lao động cá biệt phải phù hợp với mức hao phí lao động xã hội cần thiết

d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 24: Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá. Điều này được hiểu

như thế nào là đúng?

a. Giá cả của từng hàng hóa luôn luôn bằng giá trị của nó

b. Giá cả của từng hàng hóa có thể cao hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa được hình thành trong sản xuất nhưng phải vận động xoay quanh trục giá trị của nó

c. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất

d. Cả b và c đều đúng

Câu 25: Quy luật giá trị tồn tại ở riêng:

a. Nền sản xuất hàng hóa giản đơn

- b.Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa
- c.Trong nền sản xuất vật chất nói chung
- d.Trong nền kinh tế hàng hóa

Câu 26: Quy luật giá trị có tác động:

- a.Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- b.Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và tăng năng suất lao động
- c.Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa
- d.Bao gồm tất cả các tác động trên

Câu 27: Việc làm nào sau đây của Nhà nước thể hiện sự vận dụng quy luật giá

trị?

- a.Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- b.Thực hiện chế độ một giá, một thị trường thống nhất trong cả nước và mở cửa với thị trường nước ngoài
- c.Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực
- d.Tất cả các việc làm trên

Câu 28: Việc làm nào sau đây của công dân thể hiện sự vận dụng nội dung và

tác động của quy luật giá trị?

- a.Phấn đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận
- b.Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu
- c.Đổi mới kỹ thuật – công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa
- d.Tất cả các việc làm trên

Câu 29: Nội dung cốt lõi của khái niệm cạnh tranh được thể hiện ở khía cạnh

chủ yếu nào sau đây?

- a.Tính chất của cạnh tranh
- b.Các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh

c.Mục đích của cạnh tranh

d.Tất cả các khía cạnh trên

Câu 30: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là:

a.Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh

b.Do điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau

c.Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ

d.Tất cả các nguyên nhân trên

Câu 31: Cạnh tranh nhằm mục đích gì?

a.Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác

b.Giành ưu thế về khoa học và công nghệ

c.Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng

d.Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa và phương thức thanh toán...

e.Tất cả các mục đích trên

Câu 32: Mục đích của cạnh tranh là gì? Chọn câu trả lời đúng nhất trong các

câu trả lời sau:

a.Nhằm thu lợi nhuận nhiều nhất

b.Nhằm mua, bán hàng hóa với giá cả có lợi nhất

c.Giành các điều kiện sản xuất thuận lợi nhất

d.Giành lợi ích tối đa cho mình

Câu 33: Nhà nước sử dụng công cụ, biện pháp gì để khắc phục, điều tiết mặt

hạn chế của cạnh tranh?

a.Thông qua giáo dục

b.Thông qua hệ thống pháp luật

c.Các chính sách kinh tế - xã hội thích hợp

d.Tất cả các công cụ, biện pháp trên

Câu 34: Cạnh tranh có mấy loại:

a.3 loại

b.4 loại

c.5 loại

d.6 loại

Câu 35: Đầu là mặt tích cực của cạnh tranh?

- a.Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển, năng suất lao động tăng lên
- b.Làm cho môi trường, môi sinh mất cân bằng nghiêm trọng
- c.Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương
- d.Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

Câu 36: Đầu là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- a.Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển, năng suất lao động tăng lên
- b.Khai thác tối đa mọi nguồn lực
- c.Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế
- d.Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

Câu 37: Những nhân tố khách quan nào ảnh hưởng tới giá cả thị trường?

- a.Giá trị thị trường của hàng hóa
- b.Cung – cầu hàng hóa và sức mua của tiền
- c.Cạnh tranh trên thị trường
- d.Cả a, b, c

Câu 38: Cung – cầu là quy luật kinh tế. Thế nào là cầu?

- a.Là nhu cầu của thị trường về hàng hóa
- b.Là nhu cầu của người mua hàng hóa
- c.Là sự mong muốn, sở thích của người tiêu dùng
- d.Là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định

Câu 39: Thế nào là cung hàng hóa?

- a.Là số lượng hàng hóa xã hội sản xuất ra
- b.Là toàn bộ số hàng hóa đem bán trên thị trường
- c.Là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản

xuất và chi phí sản xuất xác định

d. Là toàn bộ khả năng cung cấp hàng hóa cho thị trường

Câu 40: Quan hệ cung – cầu có ảnh hưởng đến:

a. Giá trị hàng hóa

b. Giá cả hàng hóa

c. Giá trị thặng dư

d. Cả a, b, c đều đúng

Câu 41: Đầu là biểu hiện của nội dung quan hệ cung – cầu?

a. Cung – cầu tác động lẫn nhau

b. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

c. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu

d. Cả a, b, c

Câu 42: Nội dung nào sau đây đề cập đến vai trò của quan hệ cung – cầu?

a. Là cơ sở để nhận thức vì sao giá cả thị trường và giá trị hàng hóa chênh lệch nhau

b. Là căn cứ để người sản xuất, kinh doanh mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh

c. Là cơ sở để người tiêu dùng lựa chọn khi mua hàng hóa

d. Tất cả các nội dung trên

Câu 43: Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước?

a. Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ mô thích hợp

b. Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các trường hợp cung – cầu

c. Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi

d. Cả a và b đều đúng

Câu 44: Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của người sản xuất, kinh doanh?

a. Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ mô thích hợp

- b. Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các trường hợp cung – cầu
- c. Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi
- d. Cả b và c đều đúng

Câu 45: Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của người tiêu dùng?

- a. Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ mô thích hợp
- b. Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các trường hợp cung – cầu
- c. Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi
- d. Tất cả đều sai

GỢI Ý TRẢ LỜI PHẦN KIẾN THỨC (LÝ THUYẾT)

Câu 1: Trình bày nội dung và biểu hiện của nội dung quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Nội dung khái quát: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.
- Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa:
 - + Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

Đối với từng hàng hóa, phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra từng hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra từng hàng hóa đó.

Đối với tổng số hàng hóa, phải đảm bảo sao cho tổng thời gian lao động cá biệt để sản xuất tổng hàng hóa phải phù hợp với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết của tổng hàng hóa đó.

- + Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.

Đối với từng hàng hóa, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.

Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.

Câu 3: Phân tích nội dung của quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- KN: Quan hệ cung – cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

- Những biểu hiện của nội dung quan hệ cung – cầu:

+ Cung – cầu tác động lẫn nhau:

. Khi cầu tăng $\rightarrow$ sản xuất mở rộng $\rightarrow$ cung tăng.

. Khi cầu giảm $\rightarrow$ sản xuất giảm $\rightarrow$ cung giảm.

+ Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường:

. Khi cung = cầu $\rightarrow$ giá cả = giá trị.

. Khi cung > cầu $\rightarrow$ giá cả < giá trị.

. Khi cung < cầu $\rightarrow$ giá cả > giá trị.

+ Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu:

. Khi giá cả tăng $\rightarrow$ sản xuất mở rộng $\rightarrow$ cung tăng và cầu giảm khi mức thu nhập không tăng.

. Khi giá cả giảm $\rightarrow$ sản xuất giảm $\rightarrow$ cung giảm và cầu tăng mặc dù thu nhập không tăng.

Câu 4: Trình bày tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, kỹ thuật và công nghệ giữa Việt Nam và thế giới.

+ Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của xã hội

- Tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Tạo tiền đề thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

- + Tạo tiền đề cho việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò của Nhà nước và mối quan hệ giữa công nhân, nông dân, trí thức.
- + Tạo tiền đề phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- + Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

.....

.....

.....

Tiết 18: KIỂM TRA HỌC KỲ I

A.MỤC TIÊU KIỂM TRA

- Đánh giá được chất lượng học tập bộ môn của học sinh và thái độ của học sinh đối với bộ môn.
- Đánh giá được kĩ năng, kĩ xảo làm bài của học sinh và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tế địa phương.
- Từ đó giáo viên có cái nhìn tổng quát và điều chỉnh (nếu có) phương pháp và kĩ năng truyền thụ kiến thức cho học sinh.

B. CHUẨN BỊ CỦA GV - HS

1. Chuẩn bị của GV:

- Ma trận, đề kiểm tra.
- Đáp án, biểu điểm.

2. Chuẩn bị của HS:

- Giấy kiểm tra, bút viết.

3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng

			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề					
1. Hàng hoá - Tiền tệ - Thị trường	Nêu được chức năng thị trường	Hiểu, phân tích được chức năng của thị trường	Lấy ví dụ minh hoạ		
Số câu:	1/3	1/3	1/3		1
Số điểm:	1,0	2,0	1,0		4,0
Tỉ lệ:	10%	20%	10%		40%
1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nêu được khái niệm CNH, HĐH. Tác dụng của CNH, HĐH.			Lý giải vì sao ở nước ta CNH gắn liền với HĐH?	
	2/3				
Số câu:	2,5			1/3	1
Số điểm:	25%			1,0	3,5

Tỉ lệ				10%	35%
3. Chủ nghĩa xã hội	Nêu được các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			Từ những đặc của chủ nghĩa xã hội, rút ra bản chất của CNXH.	1 2,5 25%
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ	3/4 2,0 20%			1/4 0,5 5%	
Tổng số câu: Tổng số điểm: Tỉ lệ:	1/3+ 2/3+ 3/4 5,5 55%	1/3 2,0 20%	1/3 1,0 10%	1/3+ 1/4 1,5 15%	3 10 100%

- Biên soạn đề kiểm tra:

Câu 1: Em hãy nêu và phân tích các chức năng của thị trường? Lấy ví dụ minh họa?

(4,0 điểm)

Câu 2: CNH, HĐH là gì? Tác dụng của CNH,HĐH? Tại sao ở Việt Nam CNH gắn

liên với HĐH? (3,5 điểm).

Câu 3: Hãy nêu những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ những

đặc trưng trên, em có nhận xét gì về bản chất của chủ nghĩa xã hội?

- Hướng dẫn chấm – Biểu điểm:

Câu	Tiêu chí	Nội dung	Điểm
Câu 1	1	Chức năng thị trường: - Khái niệm thị trường - Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị hàng hóa. - Chức năng thông tin - Chức năng điều tiết, kích thích, hoặc hạn chế sản xuất, tiêu dùng.	1,0 0,25 0,25 0,25 0,25
	2	Phân tích chức năng thị trường: - Chức năng thực hiện (thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hoá.	2,0
		+ Hàng hoá bán được tức là xã hội thừa nhận hàng hóa đó phù hợp nhu cầu của thị trường thì giá trị của nó được thực hiện. + Hàng hóa được người tiêu dùng sử dụng có nghĩa là giá trị sử dụng được chấp nhận. - Chức năng thông tin. (1 điểm) + Cung cấp thông tin về những biến động của nhu cầu xã hội. + Những thông tin thị trường cung cấp: quy mô cung – cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện mua - bán. - Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

		xuất và tiêu dùng.	0,25
		(1 điểm)	0,25
		+ Sự biến động của cung – cầu trên thị trường điều tiết kích thích các yếu tố sản xuất.	
		+ Đối với người sản xuất: giá cao thì tăng sản xuất và ngược lại.	
		+ Đối với lưu thông: điều tiết hàng hoá và dịch vụ theo giá.	
		+ Đối với người tiêu dùng: giá cao thì giảm mua và ngược lại	
	3	Ví dụ minh họa:	1,0
Tổng điểm 4,0			
Câu 2:	1	Khái niệm: CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo năng suất lao động xã hội cao.	0,5
	2	Tác dụng: - Tạo điều kiện để phát triển LLSX và tăng NSLĐ, thúc đẩy phát triển kinh tế. - Tạo LLSX mới làm tiền đề cho việc củng cố QHSX XHCN, tăng cường vai trò của Nhà nước XHCN, Tăng cường mối quan hệ liên minh công - nông - trí thức. - Tạo tiền đề hình thành và phát triển nền văn hóa mới. - Tạo cơ sở vật chất - kĩ thuật cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh	2,0 0,5 0,5 0,5

		tế quốc tế, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh.	0,5
	3	Việt Nam tiến hành CNH gắn liền với HĐH vì: VN tiến hành CNH, HĐH muộn, để rút ngắn khoảng cách tụt hậu với các nước trên thế giới; VN tiến hành muộn nên vừa có bước đi tuần tự vừa có bước đi tắt, đón đầu kế thừa thành tựu của các nước đi trước.	1,0
Tổng điểm: 3,5			
Câu 3	1	<ul style="list-style-type: none"> - Là một xh dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. - Do nhân dân làm chủ. - Có nền KT phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại và qh sx phù hợp với trình độ phát triển của LLSX - Có nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện. - Các dt trong cộng đồng VN bình đẳng, đk, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. - Có nhà nước pháp quyền XHCN của nd, do nd, vì nd dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. 	2,0
		- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nd các nước trên thế giới.	
	2	- GVKL: CNXH mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội phát triển, tốt đẹp hơn các xã hội trước đó.	0,5
Tổng điểm: 2,5			
Tổng câu: 3			
Tổng điểm: 10,0			

- Xem xét lại đề kiểm tra
- Học sinh: Ôn tập nội dung đã học, giấy kiểm tra

III. Tiến trình lên lớp.

1. Ổn định tổ chức lớp.
2. Giáo viên phát đề
3. Hs làm bài
4. Giáo viên thu bài
5. Nhận xét, đánh giá tiết kiểm tra